

TRƯỜNG THPT ĐÀO SƠN TÂY
BỘ MÔN LỊCH SỬ



KIẾN THỨC CƠ BẢN
LỊCH SỬ 12

Họ tên:

Lớp :

Tài liệu lưu hành nội bộ

CHƯƠNG I: THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

BÀI 1. LIÊN HỢP QUỐC

A. LÝ THUYẾT

1. Một số vấn đề cơ bản về Liên Hợp Quốc

a. Hoàn cảnh ra đời và quá trình hình thành

- Hoàn cảnh:

- + Trong giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, ưu thế trên chiến trường thuộc về phe Đồng minh chống phát xít.
- + Các nước trong phe Đồng minh nhận thấy vấn đề cấp bách là cần phải thiết lập một tổ chức quốc tế có vai trò thực sự trong việc duy trì hoà bình, an ninh thế giới sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

- Quá trình hình thành:

- + Ngày 01- 01- 1942, đại diện 26 nước Đồng minh họp tại Oa-sinh-tơn (Mỹ), kí Tuyên bố Liên hợp quốc, cam kết thành lập một tổ chức quốc tế để giữ gìn hoà bình thế giới sau chiến tranh.
- + Tại Hội nghị Tê-hê-ran (I-ran, từ ngày 28- 11 đến ngày 01- 12- 1943), Liên Xô, Mỹ, Anh đã thỏa thuận thiết lập một tổ chức quốc tế mới.
- + Tại Hội nghị I-an-ta (Liên Xô, tháng 02- 1945), Liên Xô, Mỹ, Anh đã ra quyết định thành lập Liên Hợp Quốc.
- + Từ ngày 25- 4- 1945 đến ngày 26- 6- 1945, tại Hội nghị Xan Phran-xi-xcô (Mỹ), đại biểu 50 nước tham dự đã thông qua bản Hiến chương Liên hợp quốc.
- + Ngày 24- 10- 1945, Hiến chương Liên hợp quốc được Quốc hội các nước thành viên phê chuẩn, Liên hợp quốc chính thức được thành lập.

b. Mục tiêu và nguyên tắc hoạt động

- Mục tiêu:

- + Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.
- + Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc và củng cố hoà bình thế giới.
- + Thúc đẩy hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề về kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo trên cơ sở tôn trọng các quyền con người và quyền tự do cơ bản cho tất cả mọi người.
- + Trở thành trung tâm phối hợp mọi hành động của các dân tộc nhằm đạt được những mục tiêu nói trên.

- Nguyên tắc hoạt động:

- + Bình đẳng chủ quyền của tất cả các quốc gia thành viên
- + Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị quốc gia
- + Cấm đe dọa sử dụng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế
- + Không can thiệp vào công việc nội bộ các nước

- + Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế
- + Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

2. Vai Trò Của Liên Hợp Quốc

a. Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế

- Liên hợp quốc đã góp phần giải quyết xung đột và tranh chấp ở nhiều khu vực, khôi phục hoà bình và hỗ trợ tái thiết ở nhiều quốc gia.
- Từ sau năm 1945 đến nay, Liên hợp quốc góp phần thúc đẩy quá trình phi thực dân hoá, xoá bỏ chủ nghĩa thực dân trên phạm vi toàn cầu, thủ tiêu các hình thức của chế độ phân biệt chủng tộc.
- Liên hợp quốc xây dựng được một hệ thống các công ước, hiệp ước quốc tế về giải trừ quân bị cũng như ngăn chặn phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt, tiêu biểu có Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân (1968); Hiệp ước cấm thử hạt nhân toàn diện (1996); Hiệp ước cấm vũ khí hạt nhân (2017),...

b. Thúc đẩy và phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế và nâng cao đời sống người dân

- Liên hợp quốc ưu tiên việc tạo môi trường kinh tế quốc tế bình đẳng, hỗ trợ các nền kinh tế kém phát triển thông qua các chương trình, quỹ, các cơ quan chuyên môn, ...
- Từ năm 1960, Đại hội đồng Liên hợp quốc đề ra các chiến lược phát triển cho từng thập kỉ nhằm huy động sự hợp tác quốc tế cho các mục tiêu phát triển chung.
- Tháng 9 - 2015, tại Hội nghị Thượng đỉnh ở Niu Oóc, Liên hợp quốc thông qua Chương trình nghị sự 2030 với 17 mục tiêu, lấy phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt của ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường.

c. Bảo đảm quyền con người, phát triển văn hoá - xã hội

- Về quyền con người:

- + Năm 1948, Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền, khẳng định những quyền cơ bản của con người.
- + Tuyên ngôn Nhân quyền làm cơ sở cho việc ra đời hơn 80 công ước và tuyên bố quốc tế về quyền con người nhằm đảm bảo việc thực thi quyền con người, xây dựng một thế giới an toàn và công bằng hơn.

- Về văn hóa - xã hội:

- + Các cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc như Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO),... đã góp phần thắt chặt sự hợp tác về giáo dục, khoa học, văn hoá, xã hội giữa các quốc gia thành viên, đảm bảo quyền có việc làm, quyền được chăm sóc y tế,... của người dân.
- + Các quỹ, chương trình của Liên hợp quốc như Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF),... đã thúc đẩy giải quyết các vấn đề thách thức toàn cầu, chú trọng các vấn đề giáo dục, ...

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều đáp án. (Học sinh chọn một đáp án đúng)

Câu 1. Khi CTTG thứ hai đang diễn ra, các nước Đồng minh chống phát xít mong muốn

- A. thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hoà bình, an ninh thế giới.
- B. hợp tác giữa các nước nhằm khắc phục hậu quả sau chiến tranh.
- C. thiết lập một trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm.
- D. thành lập toà án quốc tế để xét xử tội phạm chiến tranh.

Câu 2. Các quốc gia trên thế giới tổ chức hội nghị thành lập Liên hợp quốc khi

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
- B. Chiến tranh thế giới thứ hai chưa diễn ra.
- C. Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc.
- D. Chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc

Câu 3. Năm 1945, Hiến chương Liên Hợp quốc thông qua tại đâu?

- A. Xan phranxixcô (Mĩ).
- B. Luân Đôn (Anh).
- C. Rô-ma (Italia).
- D. Pa-ri (Pháp).

Câu 4. Sự kiện nào dưới đây gắn liền với ngày 24-10-1945?

- A. Mĩ và Liên Xô phê chuẩn bản Hiến chương Liên hợp quốc.
- B. Liên hợp quốc chính thức được thành lập.
- C. Hội nghị Xan Phranxixcô (Mĩ) thông qua bản Hiến chương Liên hợp quốc.
- D. Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an thông qua bản Hiến chương.

Câu 5. Trong số các mục tiêu của Liên hợp quốc, mục tiêu nào được chú trọng và là cơ sở để thực hiện các mục tiêu khác?

- A. Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.
- B. Thúc đẩy quan hệ hữu nghị các dân tộc.
- C. Thúc đẩy hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo.
- D. Liên hợp quốc đóng vai trò là trung tâm điều hoà các nỗ lực quốc tế.

Câu 6. Nội dung nào dưới đây **không** phải là nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- B. Từ bỏ đe dọa bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.
- C. Hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội.
- D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

Câu 7. Ngày 1- 1- 1942, đại diện 26 nước chống phát xít đã

- A. thành lập Liên hợp quốc.
- B. họp hội nghị Tê-hê-ran.
- C. thoả thuận một số điểm cơ bản về cơ cấu Liên hợp quốc.
- D. kí bản Tuyên bố về Liên hợp quốc.

Câu 8. Năm 1947, Đại hội đồng Liên hợp quốc lấy ngày 24 tháng 10 hằng năm làm

- A. “Ngày Liên hợp quốc”.
- B. “Ngày Hòa bình thế giới”.
- C. “Ngày chống phát xít”.
- D. “Ngày Bảo vệ môi trường”.

Câu 9. Một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc là

- A. Bình đẳng về chủ quyền quốc gia.
- B. Hợp tác phát triển có hiệu quả về kinh tế, văn hóa, xã hội.
- C. Chung sống hòa bình, vừa hợp tác vừa đấu tranh.
- D. Tiến hành hợp tác quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

Câu 10. Mục tiêu phát triển Thiên niên kỉ của Liên hợp quốc đã được Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỉ (9-2000) thông qua, **không** bao gồm:

- A. Xoá đói giảm nghèo.
- B. Thực hiện bình đẳng giới.
- C. Đảm bảo bền vững về môi trường.
- D. Hạn chế vũ khí hạt nhân.

Câu 11. Trụ sở chính của tổ chức Liên hợp quốc đặt tại

- A. Niu Ooc (Mỹ).
- B. Pari (Pháp).
- C. Luân Đôn (Anh).
- D. La hay (Hà Lan).

Câu 12. “Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc và củng cố hoà bình thế giới” là mục tiêu của tổ chức

- A. Liên hợp quốc.
- B. Liên minh Châu Âu (EU).
- C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- D. Diễn đàn hợp tác Á- Âu (ASEM).

Câu 13. Cơ quan chuyên môn nào của Liên hợp quốc đóng góp trong việc giúp Việt Nam bảo toàn di sản văn hoá?

- A. UNICEP.
- B. UNESCO.
- C. FAO.
- D. WHO.

Câu 14. Cơ quan nào của Liên hợp quốc có vai trò trọng yếu trong việc duy trì hòa bình, an ninh thế giới?

- A. Tòa án Quốc tế.
- B. Hội đồng Bảo an.
- C. Đại hội đồng.
- D. Ban Thư kí.

Câu 15. Hình ảnh sau đây trong mục tiêu, hành động đến 2030 của Liên hợp quốc mang thông điệp gì?



- A. Nước sạch và vệ sinh.
- B. Cuộc sống khỏe mạnh.
- C. Năng lượng sạch và bền vững.
- D. Giảm bất bình đẳng.

Câu 16. Việt Nam được Liên Hợp quốc chọn là quốc gia

- A. chống biến đổi khí hậu.
- B. thực hiện bảo vệ môi trường biển.
- C. thực hiện bảo vệ rừng nguyên sinh.
- D. thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ.

Câu 17. Vai trò quan trọng hàng đầu của tổ chức Liên hợp quốc đã thực hiện từ khi thành lập đến nay là gì?

- A. Là trung gian hoà giải mọi tranh chấp quốc tế giữa các dân tộc.
- B. Góp phần ngăn chặn được nguy cơ bùng nổ cuộc chiến tranh thế giới mới.
- C. Thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế, văn hoá giữa các nước thành viên.
- D. Là trung tâm giải quyết các mâu thuẫn về vấn đề dân tộc trên thế giới.

Câu 18. Nguyên tắc “*Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình*” của Liên hợp quốc được Việt Nam vận dụng để giải quyết vấn đề nào hiện nay?

- A. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.
- B. Phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.
- C. Bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, hải đảo và toàn vẹn lãnh thổ.
- D. Nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Câu 19. Bản Hiến chương (thông qua năm 1945) là văn kiện quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc Liên hợp quốc, vì lí do nào sau đây?

- A. Tạo cơ sở pháp lí để các nước tham gia Liên hợp quốc.
- B. Nêu rõ mục đích hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc.
- C. Quy định tổ chức, bộ máy của Liên hợp quốc.
- D. Đề ra nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc.

Câu 20. Văn kiện nào của Đại hội đồng Liên hợp quốc được thông qua năm 1948 được coi là văn kiện đầu tiên của bộ luật quốc tế về quyền con người?

- A. Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền.
- B. Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền.
- C. Tuyên ngôn Thiên niên kỉ của Liên hợp quốc.
- D. Tuyên ngôn Viên và Chương trình hành động.

Câu 21. Người da đen đầu tiên đảm nhận chức Tổng Thư ký Liên hợp quốc nhận giải Nô-ben Hoà bình là ai?

- A. Kofi Annan.
- B. Ban Ki-moon.
- C. António Guterres.
- D. U Thant.

Câu 22. Theo nguyên tắc nhất trí giữa 5 nước Ủy viên thường trực, một quyết định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc sẽ chắc chắn được thông qua khi

- A. chỉ có ít nước bỏ phiếu chống.
- B. không có nước nào bỏ phiếu trống.
- C. không có nước nào bỏ phiếu trắng.
- D. phần lớn các nước bỏ phiếu thuận.

Câu 23. So với Hội Quốc liên, Liên hợp quốc có điểm gì tiến bộ về vai trò và tổ chức?

- A. Diễn ra cuộc đối đầu gay gắt giữa hai phe trong nội bộ tổ chức.
- B. Mang tính toàn diện, tất cả các nước không phân biệt lớn nhỏ có thể tham gia.
- C. Tác động đến sự sụp đổ Chiến tranh lạnh, hình thành xu thế thế giới mới.
- D. củng cố hơn vai trò của liên Xô trong phong trào giải phóng dân tộc.

Câu 24. Mối quan hệ giữa các nước thành viên của Liên hợp quốc được xây dựng dựa trên nền tảng

- A. Tôn trọng quyền bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc.
- B. Tôn trọng quyền độc lập và tự quyết của các dân tộc.
- C. Tôn trọng quyền bình đẳng và tự chủ của các dân tộc.
- D. Tôn trọng quyền tự quyết và toàn vẹn lãnh thổ của các dân tộc.

Câu 25. Với tư cách là Ủy viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Liên Xô đã

- A. hạn chế được những thao túng của Mỹ ở Liên hợp quốc.
- B. làm thất bại âm mưu của Mỹ trong chiến lược toàn cầu.
- C. duy trì sự lớn mạnh của phe XHCN trong Liên hợp quốc.
- D. có nhiều đóng góp trong việc kết thúc nhanh cuộc Chiến tranh lạnh.

Câu 26. Từ khi gia nhập Liên hợp quốc, Việt Nam đã có những đóng góp vào việc

- A. tham gia chương trình chống tham nhũng, xóa đói giảm nghèo, quyền trẻ em...
- B. có tiếng nói quan trọng nhất trong tổ chức Liên hợp quốc.
- C. trở thành ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2008-2009.
- D. xây dựng mối quan hệ hợp tác, có hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh đọc dữ liệu trong câu hỏi. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: "Hội Quốc liên là một tổ chức liên chính phủ được thành lập đầu năm 1920, nhằm ngăn ngừa chiến tranh thông qua an ninh tập thể và giải trừ quân bị, giải quyết những tranh chấp quốc tế, duy trì hoà bình thế giới. Đến đầu năm 1935, Hội Quốc liên từng có 58 thành viên nhưng thực tế không có khả năng ngăn chặn chiến tranh".

Tư liệu 2: Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc gồm 15 nước thành viên, trong đó có 5 nước Ủy viên thường trực, thường được gọi là Nhóm P5, gồm: Mỹ, Anh, Pháp, Liên bang Nga và Trung Quốc, có quyền quyết định các vấn đề trọng đại của thế giới. 10 nước thành viên không thường trực (gọi tắt là Nhóm E10) do Đại hội đồng Liên hợp quốc bầu ra với nhiệm kỳ hai năm...".

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 5, 8)

- a. Tư liệu 1 và 2 nói về các tổ chức quốc tế được thành lập sau các cuộc chiến tranh thế giới.
- b. Hội Quốc liên và Liên hợp quốc đều có mục đích là duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- c. Liên hợp quốc là tổ chức quốc tế lớn nhất nhưng không có khả năng ngăn chặn chiến tranh.
- d. Hội đồng bảo an là cơ quan hành chính, giữ vai trò trọng yếu của tổ chức Liên hợp quốc.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu dưới đây

Năm 1960, “Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua bản Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân, trao trả độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa. Đó là một sự kiện chính trị quan trọng. Như thế, tuyên ngôn đã khẳng định các nước thực dân đã vi phạm nguyên tắc quan trọng nhất của luật pháp quốc tế; khẳng định rõ ràng cơ sở pháp lí quốc tế của cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc bị áp bức”.

(Nguyễn Quốc Hùng, Nguyễn Hồng Quân, *Liên hợp quốc và Lực lượng gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.46)

- a. Liên hợp quốc đã chính thức xóa bỏ hình thức phân biệt chủng tộc thông qua bản Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân (năm 1960).

b. Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân (năm 1960) của Liên hợp quốc đã tạo ra cơ sở pháp lý cho các cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ Latinh.

c. Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân (năm 1960) đã thông qua các nguyên tắc hoạt động cơ bản của tổ chức Liên hợp quốc.

d. Đoạn tư liệu đã thể hiện vai trò quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc là duy trì, hoà bình, an ninh thế giới.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu dưới đây

“3. Tất cả các thành viên của Liên hợp quốc giải quyết các tranh chấp quốc tế của họ bằng biện pháp hoà bình, sao cho không tổn hại đến hoà bình, an ninh quốc tế và công lí.

4. Tất cả các quốc gia thành viên Liên hợp quốc từ bỏ đe dọa bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế nhằm chống lại sự bất khả xâm phạm về lãnh thổ hay nền độc lập chính trị của bất kì quốc gia nào cũng như bằng cách khác trái với những mục đích của Liên hợp quốc”.

(Trích: Điều 2, Hiến chương Liên hợp quốc)

a. Các thành viên Liên hợp quốc cam kết giải quyết tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

b. Các thành viên Liên hợp quốc có nghĩa vụ tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc.

c. Liên hợp quốc công nhận chủ quyền lãnh thổ và nền độc lập của bất kì quốc gia nào.

d. Nguyên tắc của Liên hợp quốc là giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

BÀI 2. TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

A. LÝ THUYẾT

1. Sự hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a. Quá trình hình thành

+ Hoàn cảnh lịch sử

- Đầu năm 1945, CTTG II sắp kết thúc, nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách được đặt ra:

+ Nhanh chóng đánh bại các nước phát xít

+ Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh

+ Phân chia thành quả chiến thắng.

- Trong bối cảnh đó, từ ngày 4 đến 11-2-1945, lãnh đạo 3 nước Mỹ (Ru-dơ-ven), Anh (Sóc-sin), Liên Xô (Xtalin) họp hội nghị quốc tế ở Ianta (Liên Xô).

+ Những quyết định quan trọng:

- Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh, Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á sau khi tiêu diệt Đức.

- Thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc.

- Thỏa thuận việc đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng của các cường quốc thắng trận ở châu Âu và châu Á.

+ Ở Châu Âu: Liên xô chiếm đông Beclin, đông Đức, đông Âu. Mỹ, Anh, Pháp chiếm tây Beclin, tây Đức và Tây Âu.

+ Ở châu Á:

- Vùng ảnh hưởng của Liên Xô: Mông Cổ, Bắc Triều Tiên, Nam Xakhalin, 4 đảo thuộc quần đảo Curin.

- Vùng ảnh hưởng của Mỹ và phương tây: Nhật bản, Triều Tiên, Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á.....

- Trung Quốc trở thành quốc gia thống nhất và dân chủ.

- Theo thỏa thuận của Hội nghị Potsdam (Đức) việc giải giáp Phát xít Nhật ở Đông Dương được giao cho Anh vào phía nam vĩ tuyến 16, và quân đội Trung Hoa Dân Quốc vào phía Bắc vĩ tuyến 16.

+ Hệ quả:

- Những quyết định của hội nghị Ianta cùng những thỏa thuận sau đó của 3 cường quốc đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới: "Trật tự hai cực Ianta" (Xô-Mĩ)

- Một trật tự thế giới mới được hình thành với đặc trưng cơ bản nhất là thế giới chia làm hai cực hai phe TBCN và XHCN do Mĩ và Liên Xô đứng đầu.

b. Quá trình tồn tại Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Trật tự hai cực I-an-ta tồn tại từ 1945-1991 của TK XX, trải qua hai giai đoạn:

+ **Giai đoạn 1:** Từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX

- Trật tự thế giới hai cực được xác lập và phát triển với sự đối đầu về tư tưởng, kinh tế, quân sự giữa hai khối.

- Đỉnh điểm của thời kì căng thẳng giữa hai khối là cuộc chiến tranh lạnh và những cuộc chiến tranh cục bộ ở Đông Dương (1945-1954), Triều Tiên (1950-1953), Việt Nam (1954-1975)....

+ **Giai đoạn 2:** Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991

- Trật tự thế giới hai cực Ianta suy yếu và đi đến sụp đổ.

- Đầu những năm 70, xuất hiện xu thế hòa hoãn Đông – Tây thông qua những cuộc gặp gỡ và thỏa thuận hạn chế vũ khí chiến lược giữa Liên Xô – Mĩ.

- Tháng 12/1989, tại đảo Man-ta (Địa Trung Hải) Gorbachev và Bush đã tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

- Năm 1991, sự tan rã của Liên Xô đã chấm dứt trật tự hai cực I-an-ta.

2. Nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

a. Nguyên nhân sụp đổ

- Chạy đua vũ trang gây tốn kém về tài chính dẫn đến suy giảm thế mạnh về kinh tế vì vậy các nước cần hạn chế chạy đua vũ trang để củng cố lại vị thế của mình.

- Thắng lợi trong phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của các quốc gia độc lập, sự phát triển mạnh mẽ của Tây Âu, Nhật Bản, các nước công nghiệp mới đã góp phần phá vỡ khuôn khổ của trật tự hai cực.
- Sự khủng hoảng và những sai lầm trong cải tổ đã dẫn đến sự sụp đổ về mặt nhà nước Xã hội Chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô.
- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và xu thế toàn cầu hóa đòi hỏi các nước cần phải tập trung sức mạnh để chiếm lĩnh và phát triển kinh tế.

b. Tác động.

- Một trật tự thế giới mới đang dần được hình thành theo xu thế đa cực.
- Sự tan rã của Liên Xô đã làm thay đổi so sánh tương quan lực lượng trên thế giới với ưu thế tạm thời thuộc về Mỹ.
- Mở ra chiều hướng để giải quyết hòa bình trong các vụ tranh chấp, xung đột khu vực như ở Á-p-ga-ni-xtan, Cam-pu-chia, Na-mi-bi-a,...
- Tạo điều kiện cho các nước mới nổi có vị trí, vai trò lớn hơn trong quan hệ quốc tế.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (Học sinh chọn một đáp án đúng)

Câu 1. Trật tự thế giới nào sau đây được hình thành sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Trật tự đa cực B. Trật tự hai cực Ianta
C. Trật tự đơn cực D. Trật tự V – O

Câu 2. Hội nghị Ianta (2/1945), được tiến hành khi chiến tranh thế giới thứ hai

- A. đã kết thúc B. sắp kết thúc. C. bùng nổ. D. diễn ra ác liệt.

Câu 3. Lãnh đạo của ba cường quốc tham gia Hội nghị Ianta là

- A. Anh, Mỹ, Liên Xô. B. Anh, Pháp, Trung Quốc.
C. Mỹ, Anh, Pháp. D. Triều Tiên, Trung Quốc, Cu Ba

Câu 4. Trong những quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta, quyết định nào được đánh giá là mối quan tâm lớn nhất của các nước tham gia hội nghị?

- A. Tiêu diệt phát xít Đức-Nhật. B. Kết thúc chiến tranh.
C. Phân chia phạm vi ảnh hưởng và khu vực đóng quân.
D. Thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc.

Câu 5. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc, vấn đề quan trọng và cấp bách nhất đặt ra với các cường quốc Đồng minh là

- A. nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.
B. tổ chức lại trật tự thế giới sau chiến tranh.
C. giải quyết hậu quả chiến tranh, phân chia thành quả chiến thắng.
D. phân chia thành quả chiến thắng giữa các cường quốc thắng trận.

Câu 6. Trật tự thế giới hai cực Ianta bắt đầu xói mòn khi

- A. Liên Xô tan rã. B. Cách mạng Trung Quốc thắng lợi.

- C. Tây Âu và Nhật Bản vươn lên thành 2 trung tâm kinh tế-tài chính thế giới.
D. các nước Tây Âu thoát khỏi ảnh hưởng của Mỹ.

Câu 7. Trật tự thế giới hai cực Ianta hoàn toàn tan rã khi

- A. Tổ chức Hiệp ước Vácsava chấm dứt hoạt động.
B. Mỹ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
C. chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ.
D. Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV) giải thể.

Câu 8. Trật tự hai cực Ianta được xác lập sau Chiến tranh thế giới thứ hai khẳng định vị thế hàng đầu của hai cường quốc nào?

- A. Liên Xô và Mỹ. B. Mỹ và Anh.
C. Liên Xô và Anh. D. Liên Xô và Pháp.

Câu 9. Hội nghị Ianta (2/1945) chỉ định quân đội của nước nào sẽ tham chiến ở châu Á sau khi đánh bại phát xít Đức?

- A. Mỹ C. Liên Xô
B. Anh D. Liên quân Mỹ - Anh

Câu 10. Để duy trì hòa bình và an ninh thế giới, Hội nghị Ianta (2/1945) quyết định thành lập tổ chức

- A. Hội Quốc Liên B. Liên Hợp Quốc
C. Nato D. Vácsava

Câu 11. Hội nghị Ianta (2/1945) thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm giải pháp quân đội phát xít, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở

- A. Đông Âu và Tây Âu B. Triều Tiên và Nhật Bản
C. Châu Âu và Bắc Á D. Châu Âu và châu Á

Câu 12. Khu vực đóng quân và phạm vi ảnh hưởng ở Châu Âu của Liên xô theo quyết định của hội nghị Ianta (2/1945) là

- A. Tây Đức, Tây Béclin và Tây Âu B. Đông Âu và Tây Âu
C. Đông Đức, Đông Béclin và Đông Âu D. Tây Đức, Tây Béclin và Đông Âu

Câu 13. Hội nghị Ianta (2/1945) quyết định quân đội chiếm đóng Nhật Bản sau khi chiến tranh kết thúc là

- A. Mỹ B. Anh, Pháp, Mỹ
C. Mỹ và Liên xô D. Mỹ, Anh và Liên xô

Câu 14. Hội nghị Ianta (2/1945) đã quy định vĩ tuyến 38 là ranh giới phân chia khu vực chiếm đóng của

- A. Trung Quốc – Đài Loan B. Bán đảo Đông Dương
C. Bán đảo Triều Tiên D. Ấn Độ - Pakixtan

Câu 15. Hội nghị Ianta (2/1945) quy định các vùng Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của

- A. Anh, Pháp, Mỹ
- B. Mỹ và Trung Hoa dân quốc
- C. Các nước phương tây
- D. Liên xô, Mỹ, Anh

Câu 16. Hội nghị Ianta thực chất là hội nghị

- A. bàn bạc việc tiêu diệt tận gốc phát xít Đức và quân phiệt Nhật.
- B. bàn bạc về việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- C. phân chia thành quả chiến thắng giữa các cường quốc thắng trận.
- D. khẳng định sức mạnh và vị thế siêu cường của Mỹ và Liên Xô.

Câu 17. Quyết định nào của Hội nghị Posdam đã gây khó khăn cho Việt Nam sau khi cách mạng tháng 8/1945 thành công

- A. đồng ý để quân Anh, quân Tưởng vào Đông Dương làm nhiệm vụ giải giáp quân đội phát xít Nhật.
- B. Liên xô không được đưa quân vào Đông Dương
- C. quân Tưởng được tham gia Chính phủ Việt Nam
- D. Mỹ, Anh, Pháp trở thành các nước đồng minh

Câu 18. Điểm giống nhau trong chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp (1945 - 1954) và chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953) là

- A. những cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới.
- B. những cuộc chiến tranh chống lại chủ nghĩa thực dân cũ.
- C. những cuộc chiến tranh mà mỗi bên tham chiến đều chịu tác động mạnh mẽ của hai phe: Tư bản chủ nghĩa hoặc Xã hội chủ nghĩa.
- D. những cuộc chiến tranh của 2 dân tộc chống lại chủ nghĩa thực dân mới, vì mục tiêu độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

Câu 19. Chiến tranh lạnh chấm dứt (1989) có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình Đông Nam Á?

- A. Khiến các tổ chức liên kết khu vực đứng trước nguy cơ giải thể.
- B. Giúp các quốc gia ở Đông Nam Á có điều kiện kiến thiết lại đất nước.
- C. Giúp vấn đề Campuchia từng bước được tháo gỡ.
- D. Thúc đẩy sự ra đời của tổ chức khu vực Đông Nam Á.

Câu 20. Cuộc “chiến tranh lạnh” và những cuộc chiến tranh thế giới đã qua có điểm gì khác nhau?

- A. Chiến tranh lạnh làm cho thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng.
- B. Chiến tranh lạnh chỉ diễn ra chủ yếu giữa hai nước Liên Xô và Mỹ.
- C. Chiến tranh lạnh diễn ra trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự nhưng không xung đột trực tiếp bằng quân sự giữa Liên Xô và Mỹ.
- D. Chiến tranh lạnh diễn ra dai dẳng, giằng co và không phân thắng bại.

Câu 21. Nhận định nào sau đây phản ánh đầy đủ mối quan hệ quốc tế trong nửa sau thế kỉ XX?

- A. Quy mô toàn cầu của các hoạt động kinh tế, tài chính và chính trị của các quốc gia và các tổ chức quốc tế.
- B. Sự tham gia của các nước Á, Phi, Mỹ Latinh mới giành được độc lập vào các hoạt động chính trị quốc tế.
- C. Các mối quan hệ quốc tế được mở rộng và đa dạng hóa, các quốc gia cùng tồn tại hòa bình, vừa đấu tranh, vừa hợp tác.
- D. Sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại đã tác động mạnh mẽ đến quan hệ giữa các nước.

Câu 22. Quyết định nào dưới đây của Hội nghị Ianta (2/1945) đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp trở lại xâm lược Đông Dương?

- A. Liên Xô không được đưa quân đội vào Đông Dương.
- B. Quân Anh sẽ mở đường cho thực dân Pháp chiếm lại Đông Dương.
- C. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.
- D. Quân Tưởng sẽ mở đường cho thực dân Pháp chiếm lại Đông Dương

Câu 23. Nhận xét nào dưới đây là đúng về thỏa thuận việc đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa ba cường quốc trong Hội nghị Ianta (2-1945)?

- A. Phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa Mỹ và Liên Xô.
- B. Phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa Liên Xô và Mỹ, Pháp.
- C. Hình thành trật tự thế giới “đơn cực”.
- D. Hình thành trật tự thế giới “đa cực”.

Câu 24. Hậu quả nặng nề, nghiêm trọng nhất để lại cho thế giới trong suốt thời gian cuộc Chiến tranh lạnh là gì?

- A. Khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa hai phe – phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
- B. Hàng ngàn căn cứ quân sự được thiết lập trên toàn cầu.
- C. Thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, đối đầu, nguy cơ bùng nổ chiến tranh thế giới.
- D. Xuất hiện các cuộc chiến tranh cục bộ ở nhiều khu vực như Đông Nam Á, Triều Tiên....

Câu 25. Chiến tranh lạnh chấm dứt đã tác động như thế nào đến tình hình thế giới ngày nay?

- A. Nhiều vụ tranh chấp, xung đột được giải quyết bằng biện pháp hòa bình.
- B. Phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và Liên Xô bị thu hẹp.
- C. Các cường quốc chạy đua vũ trang để xây dựng sức mạnh quân sự.
- D. Sự xuất hiện của chủ nghĩa khủng bố đe dọa hòa bình an ninh thế giới.

Câu 26. Quan hệ của các nước trong khu vực Đông Nam Á có sự thay đổi như thế nào sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt?

- A. Thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á phát triển mạnh.
- B. Quan hệ giữa các nước ASEAN và các nước Đông Dương trở nên hòa dịu.
- C. Tạo điều kiện cho sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN.
- D. Làn sóng xã hội chủ nghĩa lan rộng ở hầu hết các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Câu 27. Tham vọng của Mĩ khi phát động cuộc Chiến tranh lạnh là

- A. chống phá Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. đẩy lùi phong trào cách mạng thế giới.
- C. thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới.
- D. đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân trong nước.

Câu 28. Cuộc chiến tranh cục bộ nào sau đây thể hiện rõ nhất mâu thuẫn hai cực, hai phe trong chiến tranh lạnh (1945-1991)?

- A. Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953)
- B. Chiến tranh Trung - Ấn (1962)
- C. Chiến tranh Việt Nam (1945-1975)
- D. Chiến tranh nội chiến ở Trung Quốc (1946-1949)

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh đọc dữ liệu trong câu hỏi. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn tư đản sau đây:

“Chiến tranh lạnh (từ tiếng Anh là Cold War), bắt đầu từ năm 1947 với sự ra đời của Học thuyết Tơ-ru-ma-n, kết thúc với sự tan rã của Liên Xô năm 1991. Đó là "chiến tranh không nổ súng" nhưng luôn gây ra tình trạng căng thẳng để thực hiện chính sách đối đầu của Mỹ và các nước tư bản đối với Liên Xô cùng các nước xã hội chủ nghĩa."

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 14)

- a. Chiến tranh lạnh diễn ra từ năm 1947 đến năm 1991.
- b. Chiến tranh lạnh là được khởi đầu bằng học thuyết Tơ-ru-ma-n của tổng thống Mỹ trình quốc hội Mỹ vào ngày 12/3/1947.
- c. Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, không có sự xung đột quân sự trực tiếp giữa Liên Xô và Mỹ nhưng có nhiều cuộc chiến tranh cục bộ diễn ra.
- d. Chiến tranh lạnh là cuộc chiến tranh không tiếng súng diễn ra trong thời bình và không ảnh hưởng đến sự phát triển của các nước trên thế giới.

Câu 2. Cho bảng dữ kiện sau đây về nguyên nhân sự sụp đổ Tự thể giới hai cực I-an-ta.

Nguyên nhân sụp đổ trật tự thế giới hai cực I-an-ta	Chạy đua vũ trang khiến cả Liên Xô và Mỹ bị tổn kém, suy giảm thế mạnh kinh tế, buộc hai bên phải tự điều chỉnh, từng bước hạn chế căng thẳng.
	Sự vươn lên của các nước trên thế giới nhằm thoát khỏi ảnh hưởng của hai cực.
	Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của hàng loạt các quốc gia độc lập.
	Sự thay đổi trong cán cân kinh tế thế giới, đặc biệt là sự nổi lên của Nhật Bản và các nước Tây Âu.
	Xu thế hoà hoãn, toàn cầu hóa và ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba.

	Sự khủng hoảng, suy yếu rồi tan rã của Liên Xô quốc gia đứng đầu hệ thống xã hội chủ nghĩa.
--	---

- a. Trật tự hai cực I-an-ta sụp đổ là do sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Mỹ và Tây Âu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- b. Xu thế toàn cầu hóa khiến cho tình hình trạng chạy đua vũ trang của Mỹ và Liên Xô không còn phù hợp.
- c. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ gắn liền với sự khủng hoảng và suy yếu của Liên Xô.
- d. Sự vươn lên của các nước đang phát triển khiến cho Mỹ suy yếu, không còn đủ sức chạy đua kinh tế.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Bài học của thời kì Chiến tranh lạnh đã chứng tỏ phương thức quan hệ quốc tế lấy đối đầu chính trị - quân sự là chủ yếu không còn phù hợp, phải chịu nhiều tổn thất hoặc thất bại như hai nước Xô – Mỹ và một bị thương, một bị mất. Trong khi đó, phương thức lấy hợp tác và cạnh tranh về kinh tế - chính trị là chính lại thu được nhiều tiến bộ, kết quả như các nước Đức, Nhật và NICs. Sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia quyết định bởi sức mạnh tổng hợp của quốc gia đó, mà chủ yếu là thực lực kinh tế và khoa học – kỹ thuật".

(Vũ Dương Ninh (Chủ biên). Một số chuyên đề lịch sử thế giới, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001, tr.401)

- a. Hợp tác về kinh tế - chính trị làm suy yếu tiềm lực phát triển của từng nước.
- b. Tình trạng đối đầu về chính trị - quân sự của Mỹ và Liên Xô trong Chiến tranh lạnh khiến cho hai nước chịu nhiều tổn thất.
- c. Thực lực hiện kinh tế và khoa học – kỹ thuật có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của một quốc gia.
- d. Đoạn tư liệu thể hiện xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Vào thập niên 1980, mối quan hệ nồng ấm giữa Tổng thống Mỹ Ri-gân và nhà lãnh đạo Liên Xô Goóc-ba chóp đã giúp giảm dần tình trạng căng thẳng của Chiến tranh lạnh. Năm 1987, hai nhà lãnh đạo đã đồng ý hủy bỏ tên lửa hạt nhân tầm trung. Năm 1989 Goóc-ba chóp cho phép các quốc gia xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu bầu ra chính phủ dân chủ, và đến năm 1991, Liên Xô tan rã thành 15 nước cộng hòa độc lập. Ngày 12-3-1999, Hung-ga-ri, Ba Lan và Cộng hòa Séc gia nhập khối NATO".

(Kিং Fisher, Bách khoa toàn thư lịch sử (Nguyễn Đức Tĩnh và Ngô Minh Châu dịch), NXB Thế giới, Hà Nội, 2016, tr.437)

- a. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta bắt đầu bị xói mòn và sụp đổ trong thập niên 1980.
- b. Chiến tranh lạnh kết thúc và Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ bắt nguồn từ những nguyên nhân khác nhau, nhưng yếu tố Mỹ và Liên Xô vẫn là quyết định.

- c. Cuộc Chiến tranh lạnh đã kết thúc và Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã sụp đổ, nhưng nhiều di chứng của nó vẫn còn và vẫn đang tiếp diễn ở nhiều nơi trên thế giới.
- d. Việc Liên Xô tan rã (1991) đã chính thức chấm dứt cục diện hai cực, hai phe.

BÀI 3: TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

A. LÝ THUYẾT

1. Xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh

- Xu thế đa cực:

- + Thể hiện rõ ở đầu thế kỉ XXI.
- + Xác lập trật tự thế giới mới, nhiều cực, nhiều trung tâm trong quan hệ quốc tế.

- Xu thế lấy phát triển kinh tế là trọng tâm:

- + Điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế.
- + Lấy kinh tế làm trọng tâm.
- + Xây dựng sức mạnh tổng hợp của mỗi quốc gia.

- Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế:

- + Quan hệ theo chiều hướng hòa hoãn.
- + Đối thoại đa dạng hóa, đa phương hóa.
- + Xây dựng quan hệ hợp tác chiến lược ổn định, lâu dài.

- Xu thế toàn cầu hóa:

- + Sự phát triển của thương mại thế giới.
- + Vai trò lớn của công ty xuyên quốc gia, tính quốc tế hóa của nền tài chính thế giới.

2. Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế

a. Khái niệm đa cực

Là thuật ngữ trong quan hệ quốc tế:

- Chỉ trật tự thế giới có sự tham gia của nhiều nước, nhiều trung tâm.
- Không chủ thể nào áp đặt, chi phối sự phát triển của thế giới.

b. Xu thế đa cực

- Nhóm các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Liên bang Nga, Nhật Bản, Ấn Độ: có sức mạnh về kinh tế, chính trị, quân sự, đối ngoại.

- Nhóm nước “cường quốc hạng trung”:

- + Hàn Quốc, Ô-xtrây-li-a,...
- + Các nước đang phát triển, có xu hướng tự chủ chiến lược về tài chính, công nghệ, an ninh - quốc phòng, tăng cường hợp tác theo mạng lưới.

- Nhóm các tổ chức kinh tế, tài chính, các trung tâm, các diễn đàn hợp tác liên kết, có tính cạnh tranh: Nhóm các nước có nền kinh tế mới nổi(BRIC), Diễn đàn hợp tác châu Á- Thái bình Dương(APEC), Diễn đàn hợp tác Á-Âu (ASEM), Cộng đồng ASEAN,...

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (Học sinh chọn một đáp án đúng)

Câu 1. Xu thế chủ đạo trong quan hệ giữa các cường quốc sau Chiến tranh lạnh là

- A. đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế.
- B. tôn trọng vai trò, nhiệm vụ của Liên hợp quốc.
- C. hợp tác, không cạnh tranh, không mâu thuẫn.
- D. hòa bình, không xung đột, tiến hành hợp tác.

Câu 2. Nội dung căn bản trong quan hệ quốc tế hiện nay là về lĩnh vực

- A. an ninh
- B. kinh tế
- C. văn hóa
- D. chính trị

Câu 3. Xu thế Toàn cầu hóa là hệ quả của

- A. cuộc cách mạng khoa học công nghệ.
- B. chiến tranh lạnh, trật tự hai cực I-an-ta.
- C. cách mạng công nghiệp thế kỷ XVII.
- D. cuộc khủng hoảng năng lượng (1973).

Câu 4. Một trong những biểu hiện của xu thế Toàn cầu hóa là

- A. sự phát triển của thương mại thế giới
- B. xu thế hoà hoãn Đông, Tây thế kỷ XX.
- C. thế giới đã chia thành hai cực, hai phe.
- D. mâu thuẫn giữa hai siêu cường Xô, Mỹ.

Câu 5. Nội dung nào sau đây không phản ánh xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh?

- A. Một trật tự thế giới mới đang hình thành theo hướng đa cực.
- B. Các nước điều chỉnh chiến lược tập trung phát triển kinh tế
- C. Xu thế đối thoại hợp tác trong quan hệ quốc tế.
- D. Mỹ đang thực hiện âm mưu thiết lập lại trật tự thế giới đa cực.

Câu 6. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc (1989) một trong những khu vực trên thế giới vẫn diễn ra xung đột vũ trang là

- A. Trung Đông.
- B. Đông Bắc Á
- C. Địa Trung Hải.
- D. Châu Nam Cực.

Câu 7. Với vai trò ngày càng lớn của các công ty xuyên quốc gia (từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX) là biểu hiện của.

- A. xu thế khu vực hóa.
- B. cách mạng khoa học.
- C. trật thế giới "Đa cực".
- D. xu thế Toàn cầu hóa.

Câu 8. Nội dung nào sau đây không phải là biểu hiện của xu thế Toàn cầu hóa?

- A. Phát triển nhanh chóng của nền thương mại quốc tế.
- B. Vai trò ngày càng lớn của các công ty xuyên quốc gia.
- C. Hình thành ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.
- D. Tính quốc tế hóa của nền tài chính thế giới.

Câu 9. Tổ chức nào sau đây là tổ chức liên kết kinh tế thương mại lớn nhất thế giới?

- A. WTO
- B. APEC
- C. ASEM
- D. NAFTA.

Câu 10. Tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính lớn nhất hiện nay là

- A. Diễn đàn hợp tác Á - Âu.
- B. Hiệp ước thương mại tự do.
- C. Liên minh Châu Âu (EU)
- D. Các nước xuất khẩu dầu mỏ.

Câu 11. Từ sau Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng tâm vì

- A. hóa bình và an ninh thế giới được bảo vệ ở mức cao nhất.
- B. kinh tế trở thành nội dung căn bản trong quan hệ quốc tế.
- C. giữa các cường quốc đã chấm dứt việc chạy đua vũ trang.
- D. sức mạnh quốc gia không dựa trên lực lượng quốc phòng.

Câu 12. Biểu hiện nào của xu thế Toàn cầu hóa làm cho nền kinh tế của các nước trên thế giới có quan hệ chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau?

- A. Sự phát triển và những tác động của các công ty xuyên quốc gia.
- B. Sự sát nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.
- C. Các tổ chức liên kết kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực ra đời.
- D. Sự phát triển nhanh chóng của nền thương mại thế giới

Câu 13. Nguyên nhân của những cuộc nội chiến, xung đột quân sự đẫm máu kéo dài ở nhiều khu vực trên thế giới hiện nay là

- A. do mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo và tranh chấp lãnh thổ.
- B. cạnh tranh kinh tế, giành giật thị trường giữa các quốc gia.
- C. sự xuất hiện, trỗi dậy của chủ nghĩa ly khai và khủng bố.
- D. tham vọng bá chủ thế giới của Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh.

Câu 14. Nhận xét nào sau đây về cuộc tấn công khủng bố bất ngờ vào nước Mỹ (11-9- 2001) là đúng?

- A. Gây tổn thất lớn về người và vật chất, làm cho cả thế giới kinh hoàng.
- B. Làm thay đổi chính sách đối ngoại của tất cả các quốc gia trên thế giới.
- C. Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu, xây dựng căn cứ quân sự để ứng phó.
- D. Mỹ liên kết với Nga, Trung Quốc tấn công sào huyệt của bọn khủng bố.

Câu 15. Trong xu thế phát triển chung của thế giới hiện nay, thời cơ Việt Nam có thể tận dụng để xây dựng và phát triển đất nước là gì?

- A. Không bị áp dụng luật chống bán phá giá
- C. Mua được các bằng phát minh với giá rẻ.
- B. Sự ổn định tình hình chính trị trong nước
- D. Thu hút vốn, tiếp thu thành tựu khoa học

Câu 16. Trước xu thế hội nhập hiện nay, thách thức lớn nhất đối với Việt Nam là

- A. đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.
- C. thu hút được nhiều vốn đầu tư hơn.
- B. văn hóa phương Tây đã du nhập.
- D. đã phát sinh nhiều bệnh dịch mới

Câu 17. Nhân định nào sau đây là đúng về những chính sách mà Việt Nam có thể áp dụng để hội nhập kinh tế thành công với thế giới?

- A. Xây dựng kinh tế tự chủ, phát huy lợi thế đất nước.
- B. Liên kết hợp tác chặt chẽ với các nước Đông Nam Á.
- C. Tìm kiếm những nguồn vốn viện trợ không hoàn lại.
- D. Gia nhập vào tất cả các tổ chức thương mại thế giới.

Câu 18. Khái niệm "đa cực" trong quan hệ quốc tế dùng để chỉ một trật tự thế giới có

- A. Một quốc gia duy nhất chi phối mọi quyết định toàn cầu.
- B. Sự tham gia của nhiều nước và nhiều trung tâm trên thế giới.
- C. Một khối quân sự áp đặt sức mạnh lên các quốc gia khác.
- D. Sự phát triển kinh tế của một nhóm nước nhỏ.

Câu 19. Nhóm nước nào sau đây đang có xu hướng tự chủ chiến lược về tài chính, công nghệ, an ninh - quốc phòng?

- A. Nhóm nước lớn.
- B. Nhóm nước đang phát triển.
- C. Nhóm nước nghèo.
- D. Nhóm nước kém phát triển.

Câu 20. APEC là viết tắt của diễn đàn hợp tác nào sau đây?

- A. Diễn đàn hợp tác châu Á- Âu.
- B. Diễn đàn hợp tác châu Mỹ- châu Âu.
- C. Diễn đàn hợp tác châu Á - Thái Bình Dương.
- D. Diễn đàn hợp tác Bắc Cực.

Câu 21. Diễn đàn hợp tác Á-Âu (ASEM) ra đời tập trung vào điều gì?

- A. Hợp tác quân sự giữa các quốc gia Á và Âu.
- B. Thúc đẩy hợp tác kinh tế, văn hóa giữa châu Á và châu Âu.
- C. Tăng cường quyền lực chính trị của châu Âu tại châu Á.
- D. Phát triển công nghệ hạt nhân giữa các quốc gia.

Câu 22. Xu thế đa cực có lợi ích gì cho các nước đang phát triển hiện nay?

- A. Giảm sự cạnh tranh kinh tế giữa các nước lớn.
- B. Tăng cường khả năng tự chủ chiến lược và hợp tác theo mạng lưới.
- C. Khuyến khích phát triển vũ khí hạt nhân.
- D. Làm giảm sự cần thiết của hợp tác quốc tế.

II. Trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a) b) c) d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Trong tác phẩm "The Rise and Fall of the Great Powers" (Sự trỗi dậy và suy tàn của các cường quốc), nhà sử học Mỹ - Pon Ken-nơ-đi đã nhấn mạnh, các nguồn lực kinh tế, sự phát triển khoa học - kỹ thuật, sức mạnh quân sự tạo nên sức mạnh tổng hợp của đất nước, quyết định vị trí quyền lực của đất nước trong cục diện thế giới. Sự phát triển hay suy thoái của các yếu tố này tạo nên sự hưng thịnh và suy vong không chỉ của các cường quốc mà cả các quốc gia khác trong một thế giới phức tạp, đan xen và phụ thuộc nhau." (Sách giáo khoa Lịch sử 12, CTST, trang 18)

- a. Thế giới sau chiến tranh lạnh nhấn mạnh việc xây dựng sức mạnh quốc gia tổng hợp.
- b. Trong sức mạnh đó, kinh tế là trọng tâm trong cuộc chạy đua giữa các cường quốc.
- c. Chạy đua vũ trang quyết định sự định hình của quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh.
- d. Chỉ các cường quốc mới có điều kiện vươn lên xây dựng sức mạnh quốc gia tổng hợp.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Nhận định về tình hình thế giới, Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ: "Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh... Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn"

(*Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2016, tr .16*)

- a. Sau chiến tranh lạnh, xu thế đa cực trở thành một trong những xu thế phát triển chính của thế giới.
- b. Sự hình thành của trật tự thế giới đa cực là một tiến trình lịch sử khách quan trong quan hệ quốc tế.
- c. Hiện nay, toàn cầu hóa là điều kiện quyết định sự hình thành xu hướng đa cực trong quan hệ quốc tế.
- d. Trong xu thế đa cực, quá trình hội nhập quốc tế chỉ diễn ra ở các nước lớn, các trung tâm kinh tế tài chính lớn.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Trật tự thế giới mới này được hình thành như thế nào còn phụ thuộc ở nhiều nhân tố: Sự phát triển về thực lực kinh tế, chính trị, quân sự của các cường quốc Mỹ, Nga, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nhật Bản, Đức trong cuộc chạy đua về sức mạnh quốc gia tổng hợp..; Sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng thế giới; Sự phát triển của cách mạng khoa học - kĩ thuật sẽ còn tiếp tục tạo ra những đột phá và chuyển biến trên cục diện thế giới".

(*Nguyễn Anh Thái, Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr.424*)

- a. Đầu thế kỉ XXI, trật tự thế giới từng bước chuyển sang xu thế đa cực với sự vươn lên khẳng định sức mạnh về kinh tế, chính trị, quân sự của các cường quốc.
- b. Xây dựng sức mạnh tổng hợp của các quốc gia thay thế cho chạy đua vũ trang đã trở thành hình thức chủ yếu trong cuộc cạnh tranh giữa các cường quốc.
- c. Sau chiến tranh lạnh, trong sự phát triển của cách mạng khoa học kĩ thuật xu thế toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ.
- d. Sau chiến tranh lạnh, các nước lớn chỉ tập trung phát triển kinh tế nhằm tạo ra môi trường thuận lợi để vươn lên xác lập vị thế hàng đầu trong trật tự đa cực.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Toàn cầu hóa đã hình thành một số khuynh hướng dân số riêng như sự dịch chuyển nhanh chóng của dân cư từ nông thôn với đời sống nông nghiệp ra thành thị, và lối sống thành thị ngày càng gắn với các xu thế toàn cầu trên phương diện thực phẩm, lương thực, thời trang, thị trường giải trí"

(*Thô - mát Phơ- rít-men, Chiếc Lexus và cây Ô liu, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr.52*)

- a. Toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ, sâu sắc chỉ trong lĩnh vực kinh tế.
- b. Toàn cầu hóa đã tạo ra quá trình hòa nhập hoàn toàn giữa nông thôn với thành thị.

- c. Toàn cầu hóa đã tạo nên sự chuyển dịch toàn diện của khu vực nông thôn và thành thị.
- d. Toàn cầu hóa đã tạo nên sự dịch chuyển dân cư làm cho quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau

“Bài học của thời kỳ Chiến tranh lạnh đã chứng tỏ phương thức quan hệ quốc tế lấy đối đầu chính trị - quân sự là chủ yếu không còn phù hợp, phải chịu nhiều tổn thất hoặc thất bại như hai nước Xô – Mỹ và một bị thương, một bị mất. Trong khi đó, phương thức lấy hợp tác và cạnh tranh về kinh tế - chính trị là chính lại thu được nhiều tiến bộ, kết quả như các nước Đức, Nhật và NICs. Sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia quyết định bởi sức mạnh tổng hợp của quốc gia đó, mà chủ yếu là thực lực kinh tế và khoa học - kỹ thuật”.

(Vũ Dương Ninh (chủ biên), *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội 2001, tr. 401)

- a) Một trong những xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh là các quốc gia lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.
- b) Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, xu thế đối đầu quân sự trong quan hệ quốc tế đã lỗi thời.
- c) Sau Chiến tranh lạnh, các nước nhỏ cần lấy phát triển sức mạnh quân sự làm trọng tâm.
- d) Sau Chiến tranh lạnh, một quốc gia muốn phát triển chỉ cần tập trung phát triển kinh tế.

BÀI 4: SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

A. LÝ THUYẾT

1. Quá trình hình thành và mục đích thành lập ASEAN

a. Quá trình hình thành

- Hoàn cảnh:

- + Sau khi giành được độc lập, các quốc gia Đông Nam Á có nhu cầu hợp tác khu vực.
- + Sự phát triển của xu thế khu vực hóa trên thế giới.
- + Mặt khác để hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

- Quá Trình thành lập

- + Năm 1961: Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Phi-lip-pin thoả thuận thành lập Hiệp hội Đông Nam Á (ASA).
- + Năm 1963: Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a thoả thuận thành lập tổ chức MAPHILINDO.
- + Năm 1966: Ngoại trưởng Thái Lan gửi ngoại trưởng các nước Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin và Xin-ga-po dự thảo về việc thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

- Ngày 8-8-1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với năm nước sáng lập là: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.

b. Mục đích

- + *Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế*, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực thông qua hợp tác, hướng tới một Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.
- + *Thúc đẩy hòa bình, ổn định khu vực* thông qua tôn trọng công lí và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các nước thành viên, tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc.
- + *Thúc đẩy hợp tác*, tích cực giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, hành chính.

2. Hành trình phát triển của ASEAN

a. Từ ASEAN 5 (1967) lên ASEAN 10 (1999)

- Năm 1967: ASEAN 5 gồm: Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Phi-lip-pin.
- Năm 1984: ASEAN 6: Brunay gia nhập.
- Năm 1995: ASEAN 7: Việt Nam gia nhập.
- Năm 1997: ASEAN 9: Lào và Mianma gia nhập.
- Năm 1999: ASEAN 10: Campuchia gia nhập.

b. Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ 1967 đến nay)

- Giai đoạn 1967- 1976:

- + ASEAN tập trung phát triển cơ cấu tổ chức, hoàn thiện nguyên tắc hoạt động, chú trọng hợp tác giữa các thành viên trong tổ chức.
- + Tháng 11 – 1971, ra Tuyên bố về Khu vực Hoà bình, Tự do và Trung lập (ZOPFAN).

- Giai đoạn 1976- 1999:

- + Năm 1976, ASEAN ra Tuyên bố về sự Hoà hợp ASEAN I (Tuyên bố Bali I) góp phần phát triển mạnh hệ thống tổ chức.
- + Mở rộng ASEAN 5 thành ASEAN 10.

- Giai đoạn 1999- 2015:

- + ASEAN chú trọng củng cố sự đoàn kết trong tổ chức, đóng vai trò trung tâm trong quá trình liên kết khu vực Đông Á.
- + Sau khi thông qua Hiến chương ASEAN (2007), ASEAN thông qua lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột (2009): Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN (ASCC).

- Giai đoạn 2015- nay:

- + Năm 2015, Cộng đồng ASEAN được thành lập, ASEAN tập trung thực hiện các mục tiêu của cộng đồng, thúc đẩy hợp tác nội khối trên cơ sở ba trụ cột APSC, AEC và ASCC.
- + ASEAN chủ động mở rộng quan hệ hợp tác với các chủ thể bên ngoài, tiếp tục phát huy vị thế trung tâm tại các diễn đàn hợp tác trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương nhằm đảm bảo hoà bình và phát triển.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (Học sinh chọn một đáp án đúng)

Câu 1. Năm nước sáng lập ban đầu của tổ chức ASEAN là

- A. Ấn Độ, Malaixia, Campuchia, Thái Lan, Philippin.
- B. Ấn Độ, Malaixia, Xingapo, Thái Lan, Philippin.
- C. Việt Nam, Malaixia, Campuchia, Thái Lan, Philippin.
- D. Brunây, Malaixia, Campuchia, Thái Lan, Philippin.

Câu 2. Đối với tổ chức ASEAN, ngày 28/7/1995 diễn ra sự kiện gì?

- A. Lào gia nhập ASEAN.
- B. Mianma gia nhập ASEAN.
- C. Việt Nam gia nhập ASEAN.
- D. Thái Lan gia nhập ASEAN.

Câu 3. Sự kiện nào đánh dấu sự khởi sắc của tổ chức ASEAN?

- A. Hiến chương ASEAN được kí kết (năm 2007).
- B. Thành lập tổ chức liên minh vì tiến bộ (năm 1961).
- C. Kí Hiệp ước thân thiện và hợp tác (tháng 2 - 1976).
- D. Thành lập cộng đồng ASEAN (năm 2015).

Câu 4. Năm 1999, nước nào sau đây gia nhập tổ chức ASEAN?

- A. Brunây.
- B. Việt Nam.
- C. Đông Timo.
- D. Campuchia.

Câu 5. Tháng 11 năm 2007, các thành viên tổ chức ASEAN đã kí bản Hiến chương ASEAN nhằm mục đích gì?

- A. Xây dựng ASEAN thành cộng đồng vững mạnh.
- B. Xây dựng ASEAN thành cộng đồng hòa bình, ổn định.
- C. Xây dựng ASEAN thành cộng đồng chiến lược về chính trị, quân sự.
- D. Xây dựng ASEAN thành cộng đồng mang tính chất chiến lược về quân sự.

Câu 6. Mục đích chính của tổ chức ASEAN là gì?

- A. Chống lại sự xâm lược của Mỹ.
- B. Chống lại ảnh hưởng của phương Tây.
- C. Hình thành liên minh quân sự.
- D. Tăng cường hợp tác kinh tế, văn hóa, xã hội.

Câu 7. Từ năm 2015 đến nay, cộng đồng ASEAN được thành lập và xây dựng với ba trụ cột là

- A. chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội.
- B. chính trị - quân sự - kinh tế, văn hóa.
- C. kinh tế, văn hóa – xã hội - quân sự.
- D. chính trị - an ninh quốc phòng - xã hội.

Câu 8. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời trong bối cảnh

- A. Mỹ bắt đầu chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- B. Mỹ rút khỏi cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- C. các nước Đông Nam Á đã giành được độc lập.

D. tất cả các nước Đông Nam Á phát triển mạnh mẽ.

Câu 9. Một trong những thành tựu của ASEAN từ năm 1999 đến năm 2015 là

- A. thành lập và xây dựng Cộng đồng kinh tế, chính trị ASEAN.
- B. đẩy mạnh hợp tác về an ninh, chính trị, xã hội bên ngoài ASEAN.
- C. xây dựng nền móng ban đầu cho sự hợp tác xã hội ASEAN.
- D. hoàn thiện cơ cấu tổ chức ASEAN, tăng cường hợp tác nội khối và ngoại khối.

Câu 10. Từ năm 1967 đến năm 1976 các nước ASEAN tập trung vào hợp tác trên lĩnh vực nào?

- A. chính trị - an ninh.
- B. chính trị - kinh tế.
- C. chính trị - văn hóa.
- D. an ninh - quốc phòng.

Câu 11. Năm 2015, ASEAN đã ra tuyên bố thành lập

- A. diễn đàn khu vực ASEAN (ARF).
- B. khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA).
- C. Cộng đồng kinh tế ASEAN.
- D. Cộng đồng ASEAN.

Câu 12. Mối quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN được đẩy mạnh khi

- A. Việt Nam kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- B. Chiến tranh lạnh kết thúc và vấn đề Campuchia được giải quyết.
- C. Việt Nam mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới.
- D. Việt Nam bắt đầu tiến hành công cuộc đổi mới đất nước.

Câu 13. Yếu tố khách quan thúc đẩy sự ra đời của tổ chức ASEAN là

- A. nhu cầu phát triển kinh tế của các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á.
- B. các nước Đông Nam Á mong muốn duy trì hòa bình và ổn định khu vực.
- C. các nước Đông Nam Á gặp khó khăn trong xây dựng và phát triển đất nước.
- D. những tổ chức hợp tác mang tính khu vực trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều.

Câu 14. Trong các yếu tố dưới đây, yếu tố nào được xem là thuận lợi của Việt Nam khi tham gia vào tổ chức ASEAN?

- A. Có nhiều cơ hội áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại của thế giới.
- B. Có điều kiện tăng cường sức mạnh quân sự của mình trong khu vực.
- C. Có điều kiện tăng cường sự ảnh hưởng của mình đối với các nước trong khu vực.
- D. Có điều kiện để thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước phát triển.

Câu 15. Quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN từ 1979 đến giữa những năm 80 của thế kỷ XX là

- A. đối thoại.
- B. căng thẳng.
- C. bình thường hóa.
- D. đối đầu.

Câu 16. Tháng 1/1984, nước nào sau đây gia nhập tổ chức ASEAN?

- A. Việt Nam.
- B. Campuchia.
- C. Brunây.
- D. Philippin.

Câu 17. Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (năm 1967) là gì?

- A. Hạn chế ảnh hưởng của các nước lớn vào khu vực.

- B. Nhu cầu hợp tác cùng phát triển.
- C. Ảnh hưởng của xu thế liên kết khu vực.
- D. Ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản.

Câu 18. Từ năm 1967 - 1976 là giai đoạn ASEAN

- A. xây dựng nền móng ban đầu, tạo tiền đề cho sự hợp tác.
- B. xây dựng quan hệ chính trị ổn định.
- C. hoàn thiện cơ cấu tổ chức.
- D. thành lập và xây dựng Cộng đồng ASEAN.

Câu 19. Một trong những biểu hiện của sự phát triển của ASEAN là

- A. thúc đẩy xây dựng ASEAN thành khu vực hòa bình và ổn định.
- B. mở rộng ASEAN từ 5 thành viên lên 10 thành viên.
- C. tăng cường hợp tác kinh tế, văn hóa giữa các nước thành viên.
- D. phấn đấu đưa ASEAN trở thành khu vực hòa bình, tự do, thịnh vượng.

Câu 20. Tuyên bố về sự Hòa hợp ASEAN còn được gọi là

- A. Tuyên bố về khu vực Hòa bình, Tự do và Trung lập (ZOPFAN, 1971).
- B. Tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN (2015).
- C. Tuyên bố Ba-li I (1976).
- D. Tuyên bố Ba-li II (2003).

Câu 21. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) chính thức thành lập với sự kiện nào?

- A. Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á được kí kết.
- B. Hiến chương ASEAN được thông qua.
- C. Tuyên bố Băng Cốc được thông qua.
- D. thỏa thuận về Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN được kí kết.

Câu 22. Ngày 8-8-1967 tại Băng Cốc (Thái Lan) diễn ra sự kiện gì?

- A. Thông qua Tuyên bố về sự Hòa hợp ASEAN.
- B. Công bố Hiến chương ASEAN.
- C. Thành lập Khu vực Hòa bình, Tự do và Trung lập.
- D. Thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

Câu 23. Quá trình mở rộng từ ASEAN 5 đến ASEAN 10 có ý nghĩa gì?

- A. đảm bảo an ninh, quốc phòng, nâng cao vị thế trên trường quốc tế.
- B. đảm bảo an ninh, chính trị khu vực, nâng cao vị thế trên trường quốc tế.
- C. đảm bảo lợi ích chung của các nước, tạo điều kiện hợp tác kinh tế.
- D. đảm bảo hòa bình, ổn định khu vực, nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

Câu 24. Tháng 8-1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) thành lập là biểu hiện rõ nét của xu thế nào?

- A. Liên kết khu vực.
- B. Toàn cầu hóa.
- C. Đa cực nhiều trung tâm.
- D. Hòa hoãn Đông - Tây.

Câu 25. Quá trình mở rộng thành viên của từ ASEAN 5 đến ASEAN 10 có ý nghĩa

- A. phù hợp với đặc điểm từng nước, có điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa.
- B. phù hợp với tất cả các dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.
- C. phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc, nâng cao vai trò của tổ chức chính trị thế giới.
- D. phù hợp với lợi ích của mỗi thành viên, nâng cao vị thế của Hiệp hội trên trường quốc tế.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a),b),c),d) ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau:

Sự kiện Việt Nam trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN là dấu mốc quan trọng trong sự phát triển của ASEAN. Đây không chỉ là sự tăng thêm về số lượng thành viên mà còn đẩy nhanh quá trình thực hiện mục tiêu xây dựng ASEAN trở thành “ngôi nhà chung” của các quốc gia Đông Nam Á.

(SGK trang 23 - KNTT - NXBGD năm 2024)

- a. Ngày 30/4/1999 khi Cappuchia gia nhập ASEAN trở thành tổ chức “toàn Đông Nam Á”.
- b. Điều kiện tiên quyết nhất đưa đến sự thành lập tổ chức ASEAN năm 1967 là các quốc gia thành viên đều có nền kinh tế phát triển
- c. Sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN năm 1995 chứng tỏ sự khác biệt về ý thức hệ có thể hóa giải.
- d. Việc mở rộng thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) diễn ra lâu dài và đầy trở ngại.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu dưới đây.

“Trong thập niên 1990, các nước ASEAN đã xúc tiến việc thực hiện những mục tiêu của Tuyên bố ZOPFAN nhằm biến Đông Nam Á thành khu vực tự do, hoà bình và trung lập. Từ tháng 12-1987, Hội nghị cấp cao ASEAN-3 tại Ma-ni-la, các nước ASEAN đã khẳng định quyết tâm biến Đông Nam Á thành khu vực phi vũ khí hạt nhân. Sau đó, tại Hội nghị cấp cao ASEAN-5 ở Băng Cốc (12-1995), các nhà lãnh đạo ASEAN đã kí kết Hiệp ước Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ)

(Lương Ninh (Chủ biên), *Đông Nam Á: Lịch sử từ nguyên thủy đến nay*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.839)

- a. Tuyên bố ZOPFAN có mục tiêu biến Đông Nam Á thành khu vực không có vũ khí hạt nhân.
- b. SEANWFZ là tên viết tắt của Hiệp ước Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân.
- c. SEANWFZ được kí kết vào tháng 12-1987 tại Ma-ni-la.
- d. Nội dung đoạn tư liệu trên phản ánh quá trình hợp tác an ninh và ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân ở Đông Nam Á của ASEAN.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Thành công của ASEAN trong 41 năm qua là do sự hội tụ của nhiều nhân tố, nhưng trước hết đó là sự chia sẻ nhiều lợi ích cơ bản cũng như tầm nhìn, quyết tâm chính trị mạnh mẽ và những nỗ lực không mệt mỏi của các nước thành viên. Nguyện vọng chung thiết tha về một

khu vực Đông Nam Á hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển đã tạo động lực và sức mạnh cho cả 10 nước khu vực phát huy những điểm tương đồng, vượt qua những điểm khác biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa cũng như những rào cản do lịch sử để lại, gắn kết dưới mái nhà chung ASEAN, cùng nhau tạo dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho mỗi nước cũng như cả khu vực”.

(Dương Văn Quảng, *Việt Nam trong tiến trình hội nhập và phát triển*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2009, tr.392)

- a. Một trong những nhân tố đưa đến sự thành công của ASEAN là sự chia sẻ lợi ích, tầm nhìn và quyết tâm của các nước thành viên.
- b. Các nước thành viên ASEAN không có nhiều điểm khác biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, có sự tương đồng về quá trình đấu tranh giành độc lập.
- c. Do quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước diễn ra lâu dài đã ảnh hưởng đến quá trình phát triển, mở rộng thành viên của ASEAN.
- d. Ngay sau khi giành được độc lập, Việt Nam đã gia nhập ASEAN và góp phần tạo dựng nên mái nhà chung ASEAN ngày càng ổn định và phát triển.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á (thường được gọi là Hiệp ước Bali) đặt khuôn khổ cho một nền hòa bình lâu dài ở khu vực trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, giải quyết các tranh chấp trong khu vực và kêu gọi hợp tác có hiệu quả trên các lĩnh vực công – nông nghiệp, thương mại và cải thiện cơ sở hạ tầng kinh tế vì lợi ích chung của các nước trong khu vực”.

(Nguyễn Anh Thái, *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr.359)

- a. Hiệp ước Bali là hiệp ước được kí kết giữa các nước ở khu vực Đông Nam Á.
- b. Hiệp ước Bali được kí kết đánh dấu bước ngoặt trong quá trình phát triển của ASEAN.
- c. Từ sau khi Hiệp ước Bali được kí kết, ở khu vực Đông Nam Á đã thiết lập quan hệ chính trị ổn định, mở rộng thành viên và từng bước nâng cao vị thế của ASEAN trên trường quốc tế.
- d. Hiệp ước Bali xác định nguyên tắc quan trọng duy nhất trong quan hệ giữa các nước ở khu vực Đông Nam Á là phải tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhau.

BÀI 5: CỘNG ĐỒNG ASEAN – TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

A. LÝ THUYẾT

1. Ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

a. Ý tưởng xây dựng

- Năm 1967, trong Tuyên bố Băng Cốc các nước thành viên đã nêu mục tiêu xây dựng một cộng đồng hoà bình và thịnh vượng ở Đông Nam Á.
- Năm 1997, ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN được chính thức khẳng định nhân dịp kỉ niệm 30 năm ngày thành lập ASEAN.

- Năm 1997, Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức lần thứ hai tại Ma-lai-xi-a đã thông qua văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020.
- Tháng 10/2003, ASEAN kí tuyên bố về sự hòa hợp ASEAN II cho sự hình thành cộng đồng ASEAN với 3 trụ cột: chính trị - an ninh, kinh tế, văn hóa – xã hội.
- Tháng 1/2007, thông qua Hiến chương ASEAN thống nhất mục tiêu thành lập cộng đồng ASEAN vào năm 2015.

b. Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN

- Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN là: xây dựng một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng, dựa trên cơ sở pháp lý là Hiến chương ASEAN.
- Cộng đồng ASEAN được hình thành dựa trên ba trụ cột là: Cộng đồng Chính trị An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hoá – Xã hội.

c. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

- Xây dựng mô hình và cơ sở pháp lý cho cộng đồng ASEAN thông qua tuyên bố Bali (2003) và Hiến chương ASEAN (2007).
- Từ 2009 – 2015: Nhiều biện pháp tích cực được triển khai nhằm chuẩn bị cho sự thành lập cộng đồng ASEAN. Ngày 22/11/2015, các nhà lãnh đạo ASEAN kí tuyên bố Cua-la Lăm-pơ, chính thức thành lập cộng đồng ASEAN đến 31/12/2025 cộng đồng ASEAN chính thức có hiệu lực.

2. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN

a. Cộng đồng Chính Trị - An ninh ASEAN (APSC)

- Là khuôn khổ hợp tác chính trị an ninh toàn diện nhằm mục tiêu xây dựng một môi trường hoà bình và an ninh cho phát triển ở khu vực Đông Nam Á.
- Tôn trọng nguyên tắc cơ bản của ASEAN là: đồng thuận, không can thiệp vào công việc nội bộ, không sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực, thúc đẩy hòa bình, ổn định và hợp tác khu vực.

b. Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)

- Là khuôn khổ hợp tác xây dựng ASEAN thành một thị trường và một nền tảng sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề.
- Thúc đẩy chính sách cạnh tranh về kinh tế, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ sở hữu trí tuệ, phát triển cơ sở hạ tầng, thương mại điện tử,... hướng tới sự thịnh vượng chung của các quốc gia thành viên và hợp tác khu vực.

c. Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN (ASCC)

- Xây dựng một ASEAN lấy con người làm trung tâm.
- Xây dựng tinh đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc.
- Chú trọng gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của khu vực.

3. Cộng đồng ASEAN sau năm 2015

a. Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015

- Ngày 22/11/2015: Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN 27 (Ma-lai-xi-a) thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025.

- Tháng 11/2020: tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 37 (Hà Nội), ASEAN triển khai soạn thảo *Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025*.

b. Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN sau năm 2015

♦ Những thách thức của Cộng đồng ASEAN

- An ninh: Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tại không gian chiến lược trực tiếp là khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

- Sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, khoa học công nghệ giữa các quốc gia.

→ Khó khăn trong hợp tác, thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

- Sự khác biệt trong hệ thống chính trị các nước.

→ Ảnh hưởng đến khả năng hợp tác hòa hợp cộng đồng.

- An ninh phi truyền thống: ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia,...

♦ Những triển vọng của Cộng đồng ASEAN

- Phát huy đặc trưng “thống nhất trong đa dạng”, thích ứng trước biến động phức tạp của thế giới, khu vực, mở rộng hợp tác ngoài khối.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, cơ chế hợp tác.

→ Khu vực phát triển năng động bậc nhất Đông Nam Á.

- Mở rộng quan hệ với đối tác bên ngoài, có vai trò quan trọng tại nhiều cơ chế, diễn đàn ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương, thế giới.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (Học sinh chọn một đáp án đúng)

Câu 1. Ý tưởng xây dựng cộng đồng ASEAN xuất hiện từ

A. ASEAN mới thành lập (1967).

B. khi Chiến tranh lạnh kết thúc.

C. khủng hoảng năng lượng (1973).

D. khủng hoảng tài chính (1997).

Câu 2. Cộng đồng ASEAN chính thức được xây dựng từ

A. hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức (1997).

B. hội nghị thường niên Ngoại trưởng ASEAN (2000).

C. đại hội đại biểu toàn bộ các nước thành viên (1998).

D. cuộc họp bất thường xem xét vấn đề Mianma (1999).

Câu 3. Một trong những văn kiện được các nước ASEAN thông qua nhằm định hướng cho sự phát triển trong tương lai của tổ chức là

A. tuyên bố Băng cốc (1967)

B. tầm nhìn ASEAN 2020 (1997)

C. hiến chương ASEAN (2007).

D. hiệp ước Ba-li (1976).

Câu 4. Một trong những nội dung hợp tác của Cộng đồng ASEAN là:

A. quân sự.

B. đối ngoại.

C. kinh tế.

D. dân chủ.

Câu 5. Mục tiêu xây dựng cộng đồng ASEAN là

- A. biến ASEAN thành tổ chức hợp tác mạnh nhất.
- B. các nước đoàn kết giúp đỡ nhau khi bị xâm lược.
- C. củng cố khối đoàn kết của ASEAN trên vấn đề quân sự.
- D. đưa ASEAN trở thành một cộng đồng ràng buộc hơn.

Câu 6. Đây là cơ sở pháp lý để các nước Đông Nam Á xây dựng Cộng đồng ASEAN?

- A. Hiến chương ASEAN.
- B. Tuyên bố Băng - cốc.
- C. Hiến chương Liên hợp quốc.
- D. hiệp ước Ba-li 1976.

Câu 7. Một trong những văn kiện đã nêu rõ kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN là

- A. kế hoạch tổng thể xây dựng cộng đồng ASEAN.
- B. tuyên bố chung Cua-la Lăm-pơ (tại Malaxia).
- C. Lộ trình xây dựng cộng đồng ASEAN (2009-2015).
- D. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 tại Hà Nội.

Câu 8. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN được thông qua tại

- A. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 (2020)
- B. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 14 (2009).
- C. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 10 (2004)
- D. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 11 (2005)

Câu 9. Ngày 22-11-2015, tuyên bố Cua-la Lăm-pơ được ký kết đã đánh dấu

- A. Cộng đồng ASEAN được thành lập.
- B. khu vực Đông Nam Á giành độc lập.
- C. sự phát triển nhảy vọt của ASEAN.
- D. ASEAN hoàn thành mở rộng thành viên.

Câu 10. Cộng đồng ASEAN có bao nhiêu trụ cột?

- A. 5 trụ cột.
- B. 7 trụ cột.
- C. 9 trụ cột.
- D. 3 trụ cột

Câu 11. Đây không phải là một trong những trụ cột của Cộng đồng ASEAN?

- A. Cộng đồng Chính trị - An ninh.
- B. Cộng đồng Văn hóa - Xã hội.
- C. Cộng đồng An ninh - Quốc phòng.
- D. Cộng đồng Kinh tế.

Câu 12. Hợp tác kinh tế giữa các nước ASEAN tăng lên nhanh chóng từ khi

- A. Cộng đồng kinh tế ASEAN được thành lập.
- B. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 10 (2004)
- C. Tuyên bố chung Cua-la Lăm-pơ (tại Malaxia).
- D. Hội nghị cấp cao của ba nước Đông Dương.

Câu 13. Một trong những thách thức mà Cộng đồng ASEAN phải đối mặt trong quá trình xây dựng và phát triển là

- A. sự đa dạng về chế độ chính trị.
- B. gặp những khó khăn về địa lý.
- C. một số quốc gia không có biển.
- D. khí hậu ngày càng khắc nghiệt.

Câu 14. Một trong những thách thức về kinh tế mà Cộng đồng ASEAN phải đối mặt trong quá trình xây dựng và phát triển là

A. khí hậu ngày càng khắc nghiệt.

B. sự xung đột lãnh thổ, biên giới.

C. chênh lệch trình độ phát triển.

D. những vấn đề lịch sử sâu xa.

Câu 15. Tính chất của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) là

A. phi quân sự.

B. phi hạt nhân.

C. phòng thủ chung.

D. liên minh quân sự.

Câu 16. Hiện nay, mối đe dọa tiềm tàng đến an ninh của các quốc gia Đông Nam Á là

A. sự khác biệt về thể chế chính trị.

B. chênh lệch về trình độ phát triển.

C. vấn đề tranh chấp ở Biển Đông.

D. xung đột biên giới trên đất liền.

Câu 17. Nội dung nào sau đây là mục tiêu hướng tới của các nước Đông Nam Á khi xây dựng Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN?

A. thu hẹp khoảng cách giữa các nước ASEAN về dân trí.

B. xây dựng tình đoàn kết, thống nhất bền lâu giữa các nước ASEAN.

C. xây dựng một ASEAN giàu có, không có vũ khí hạt nhân.

D. đưa ASEAN trở thành tổ chức liên kết lớn nhất thế giới.

Câu 18. Nội dung nào sau đây là thách thức chung mà Cộng đồng ASEAN đang phải tìm ra giải pháp ứng phó

A. Âm mưu xâm lược của Trung Quốc.

B. Sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản.

C. Âm mưu bá chủ thế giới của nước Mỹ.

D. Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu.

Câu 19. Tham gia vào Cộng đồng ASEAN sẽ đem lại những cơ hội nào cho Việt Nam để tiến hành xây dựng kinh tế đất nước?

A. Nhận được sự đầu tư về vốn, tiếp thu khoa học công nghệ.

B. Có thêm lực lượng đương đầu với Trung Quốc ở Biển Đông.

C. Nâng cao vị thế quốc tế để gia nhập vào Hội đồng bảo an.

D. Khắc phục được tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

Câu 20. Nội dung nào sau đây là thách thức Việt Nam phải ứng phó khi tham gia vào Cộng đồng ASEAN?

A. Nguy cơ đương đầu với Trung Quốc trên Biển Đông.

B. Sự cạnh tranh quyết liệt của các nước trong khu vực.

C. Tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu tăng lên.

D. Mâu thuẫn tôn giáo, sắc tộc, lãnh thổ có thể bùng nổ.

Câu 21. Nội dung nào sau đây là những việc mà Cộng đồng ASEAN cần thực hiện để đạt được những mục tiêu đề ra?

A. Xóa bỏ đi những hiềm khích, cân bằng lợi ích giữa các thành viên.

B. Quá trình liên kết cần sâu rộng hơn nữa nhất là an ninh và quân sự.

C. Xây dựng khối thị trường chung miễn thuế, không rào cản bảo hộ.

D. Miễn thị thực nhập cảnh cho tất cả công dân Cộng đồng ASEAN.

Câu 22. Một trong những thách thức an ninh lớn đối với Cộng đồng ASEAN là gì?

A. Xung đột quân sự trực tiếp giữa các quốc gia thành viên.

- B. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương.
- C. Thiếu hụt tài nguyên thiên nhiên.
- D. Không có thách thức nào đáng kể.

Câu 23. Sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế và khoa học công nghệ giữa các quốc gia thành viên ASEAN dẫn đến điều gì?

- A. Tăng cường hợp tác và thống nhất chính sách.
- B. Khó khăn trong hợp tác và thực hiện các mục tiêu đã đề ra.
- C. Xây dựng các chính sách chung mạnh mẽ hơn.
- D. Đẩy nhanh quá trình hợp nhất khu vực.

Câu 24. Sự khác biệt trong hệ thống chính trị giữa các nước ASEAN ảnh hưởng như thế nào đến cộng đồng?

- A. Tăng cường khả năng hợp tác hòa hợp.
- B. Không có ảnh hưởng gì đáng kể.
- C. Ảnh hưởng đến khả năng hợp tác hòa hợp cộng đồng.
- D. Giúp các nước nhanh chóng đạt được đồng thuận.

Câu 25. An ninh phi truyền thống không bao gồm vấn đề nào sau đây?

- A. Ô nhiễm môi trường.
- B. Biến đổi khí hậu.
- C. Tội phạm xuyên quốc gia.
- D. Xung đột vũ trang truyền thống.

Câu 26. Một trong những triển vọng của Cộng đồng ASEAN là gì?

- A. Tăng cường sự chia rẽ giữa các quốc gia thành viên.
- B. Phát huy đặc trưng “thống nhất trong đa dạng”.
- C. Giảm sự tham gia của ASEAN vào các diễn đàn quốc tế.
- D. Hạn chế hợp tác với các nước bên ngoài khối.

Câu 27. Một trong những chiến lược của ASEAN để đối phó với những thách thức sau năm 2015 là gì?

- A. Giảm bớt số lượng các quốc gia thành viên.
- B. Tập trung hoàn toàn vào phát triển quân sự.
- C. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, cơ chế hợp tác.
- D. Trở thành một khối độc lập, không hợp tác với bất kỳ quốc gia nào.

Câu 28. Vai trò của ASEAN trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương và thế giới được củng cố bằng cách nào?

- A. Giảm quan hệ với các đối tác bên ngoài khối.
- B. Mở rộng quan hệ với đối tác bên ngoài.
- C. Tập trung hoàn toàn vào thị trường nội bộ.
- D. Hạn chế tham gia vào các diễn đàn quốc tế.

Câu 29. Điều gì giúp ASEAN thích ứng trước biến động phức tạp của thế giới và khu vực hiện nay?

- A. Tập trung phát triển quân sự và chính trị.
- B. Phát huy đặc trưng “thống nhất trong đa dạng” và mở rộng hợp tác ngoài khối.
- C. Giảm bớt quan hệ quốc tế và tập trung phát triển nội bộ.
- D. Trở thành một tổ chức hoàn toàn độc lập và tự chủ.

II. Trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a),b),c),d) ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau:

“ Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 43 tại Jakarta, Indonesia, từ ngày 4 đến 7/9/2023 với chủ đề “Một ASEAN tầm vóc: Tâm điểm của tăng trưởng”, Chủ tịch ASEAN năm 2023 Indonesia tích cực thúc đẩy nhiều ưu tiên, sáng kiến hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững ở khu vực, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của ASEAN, vừa tạo động lực để ASEAN phát triển, vừa củng cố vai trò của Hiệp hội là lực lượng chủ đạo trong các tiến trình đối thoại, hợp tác vì hòa bình, ổn định và phát triển bền vững ở khu vực.

Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 43 có ý nghĩa quan trọng, là dịp để các lãnh đạo thảo luận những vấn đề chiến lược tác động đến khu vực, tiến trình phát triển của ASEAN, các biện pháp nâng tầm và tạo động lực cho hợp tác ASEAN thời gian tới, cũng như trao đổi về các vấn đề quốc tế, khu vực cùng quan tâm”.

(Trích “ Tầm nhìn ASEAN 2023”- NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội”)

- a. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 43 củng cố vai trò Hiệp hội là lực lượng chủ đạo trong các tiến trình đối thoại, hợp tác vì hòa bình, ổn định và phát triển bền vững ở khu vực.
- b. Mục đích của Hội nghị ASEAN lần thứ 43 là trao đổi về các vấn đề quốc tế, không nằm trong khuôn khổ hợp tác ASEAN.
- c. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 43 có liên quan đến việc giải quyết vấn đề Biển Đông.
- d. Chủ tịch ASEAN năm 2023 là Indonesia đã thúc đẩy nhiều sáng kiến hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững ở khu vực, chứng tỏ Indonesia đang đóng vai trò quyết định trong sự phát triển và thịnh vượng của ASEAN.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tuyên bố ASEAN nêu rõ mục đích thành lập của ASEAN:

- 1. Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa trong khu vực thông qua các nỗ lực chung trên tinh thần bình đẳng và hợp tác nhằm tăng cường cơ sở cho một cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng.
- 2. Thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực bằng việc tôn trọng công lý và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các quốc gia trong vùng và tuân thủ các nguyên tắc của Hiến chương ASEAN.
- 3. Thúc đẩy dự cộng tác tích cực và giúp đỡ lẫn nhau trong các vấn đề quan tâm trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học – kỹ thuật và hành chính...”

(Theo Tuyên bố ASEAN, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)

NXB Chính trị Quốc gia, 1998, tr15-16)

- a. ASEAN được thành lập nhằm mục đích chính là tăng cường hợp tác kinh tế, văn hóa, xã hội, tạo điều kiện cho các nước thành viên phát triển và hội nhập với khu vực, thế giới.
- b. Mục đích thành lập của ASEAN là phấn đấu thành lập để Đông Nam Á trở thành khu vực hòa bình, tự do, thịnh vượng và ASEAN trở thành tổ chức bao gồm tất cả các quốc gia Đông Nam Á.
- c. Mục tiêu tổng quát của ASEAN là xây dựng một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng, dựa trên cơ sở pháp lý là Hiến chương ASEAN.
- d. Mục tiêu của ASEAN là liên kết sâu rộng trên cả 3 trụ cột: chính trị - an ninh; kinh tế; văn hóa – xã hội.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Việt Nam gia nhập ASEAN, ASEAN-10 hình thành, cục diện khu vực Đông Nam Á thay đổi căn bản. Từ một khu vực nghèo đói, đầy chia rẽ, nhiều xung đột trở thành khu vực hòa bình, ổn định và phát triển với ASEAN ở vị trí trung tâm, là cầu nối cho sự đoàn kết, hòa thuận của các nước thành viên và hòa hiếu với các đối tác. Trên thực tế, nếu phát triển và phồn vinh là mục tiêu chung thì các nguyên tắc và đồng thuận ASEAN chính là chất keo xây nên Đông Nam Á đoàn kết, hữu nghị, hiểu biết và tin cậy lẫn nhau.

(<https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/828918/dau-an-viet-nam-trong-asean--dong-hanh%2C-lon-manh-cung-nam-thang.aspx>)

- a. Khi Việt Nam gia nhập, ASEAN từ 5 nước ban đầu đã trở thành trở thành ASEAN-10.
- b. Từ khi ASEAN-10 được hình thành, khu vực Đông Nam Á đã có những thay đổi căn bản.
- c. Việc phát triển từ ASEAN- 5 thành ASEAN-10 đã biến Đông Nam Á trở thành khu vực hòa bình, ổn định.
- d. Mặc dù có sự khác nhau về thể chế nhưng các nước ASEAN đã tạo được sự đoàn kết, hữu nghị, hiểu biết và tin cậy lẫn nhau.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, ASEAN khuyến khích phát triển giáo dục suốt đời, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) như những phương tiện thúc đẩy nền giáo dục ASEAN và nâng cao nhận thức về ASEAN. Các dự án khác nhau dành cho các cấp học ở phổ thông và đại học cũng cần được thực hiện nhằm phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các nước thành viên, đặc biệt là nguồn nhân lực trẻ, khẳng định vai trò tiên phong của thanh niên trong việc tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN”.

(*Lương Ninh, Đông Nam Á Lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.932*)

- a. Phương tiện thúc đẩy nền giáo dục ASEAN là sử dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI).
- b. Về phát triển con người, ASEAN khuyến khích phát triển giáo dục suốt đời nhằm thúc đẩy nền giáo dục ASEAN và nâng cao nhận thức về ASEAN.
- c. Nguồn nhân lực trẻ đóng vai trò quyết định hàng đầu trong việc tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN.
- d. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ngoài việc nâng cao thể chất, về thực chất là phát triển giáo dục, đào tạo.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Một trong những nguyên nhân có tác động mạnh mẽ tới sự phát triển của ASEAN chính là cội nguồn bản sắc văn hóa của khu vực. Do vậy, hợp tác vì một nền văn hóa ASEAN đầy bản sắc, đa dạng trong thống nhất là một mục tiêu cao cả mà chính phủ và nhân dân các nước ASEAN đã và đang tiến hành”.

(Vũ Tuyết Loan, Tạo dựng bản sắc chung trong Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN, Tạp chí Cộng sản, 3-8-2012)

- a. Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC) hướng đến xây dựng tình đoàn kết và thống nhất lâu bền giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN bằng cách tạo dựng bản sắc chung.
- b. Sự đa dạng văn hóa trong khu vực đã và đang mang lại nhiều lợi thế trong phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế đối ngoại.
- c. Bản sắc ASEAN được nhắc đến là “sự thống nhất trong đa dạng”; việc tạo dựng bản sắc ASEAN trong ASCC đóng vai trò rất quan trọng.
- d. Sự đa dạng văn hóa (trong đó chủ yếu là tôn giáo) ít dẫn đến sự va chạm của các nền văn hóa. Lý do có thể là sự khác nhau của các hệ giá trị, chiều sâu tâm linh, tôn giáo hoặc tư tưởng.

CHƯƠNG III. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)

BÀI 6. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

A. LÝ THUYẾT

1. Bối cảnh lịch sử

- Tình hình thế giới: đầu tháng 8/1945, CTTG thứ hai đã đi đến những ngày cuối cùng. Ngày 15/8/1945, Nhật Bản chính thức đầu hàng vô điều kiện Đồng minh.
- Tình hình Việt Nam:
 - + Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang.
 - + Quân Đồng minh chưa kịp vào giải giáp quân Nhật.
 - + Đảng, quần chúng đã sẵn sàng hành động.

+ Lực lượng trung gian ngã hẳn về phía cách mạng.

→ Thời cơ cách mạng đã chín muồi nhân cơ hội đó, Đảng đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy tổng khởi nghĩa.

2. Diễn biến chính:

- Đến giữa tháng 8/1945, khí thế cách mạng đã sục sôi trong cả nước.

- Từ ngày 14/8/1945, tại nhiều nơi, cấp bộ Đảng, Việt Minh đã căn cứ tình hình cụ thể của địa phương để phát động nhân dân khởi nghĩa.

- Chiều 16/8/1945, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đơn vị giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, từ Tân Trào về thị xã Thái Nguyên, mở đầu cuộc Tổng khởi nghĩa.

- Ngày 18/8/ 1945, Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền sớm nhất.

- Tối 19/8/1945 khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội.

- Ngày 23/8/1945, nhân dân Huế giành được chính quyền.

- Ngày 25/8/1945, khởi nghĩa giành thắng lợi tại Sài Gòn.

- Ngày 28/8/1945, khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trong cả nước (trừ một số thị xã do quân Trung Hoa Dân quốc chiếm đóng từ trước).

- Ngày 30/8/1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị. Chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.

- 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm:

*** Nguyên nhân thắng lợi:**

- Nguyên nhân khách quan: chiến thắng của Đồng minh trong CTTG thứ hai.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Truyền thống yêu nước, đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam.

+ Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Quá trình chuẩn bị chu đáo cho Cách mạng tháng Tám trong suốt 15 năm

+ Sự đồng lòng của toàn dân; chỉ đạo linh hoạt của các cấp bộ Đảng, Việt Minh để chớp thời cơ giành chính quyền.

*** Ý nghĩa lịch sử:**

- Đối với dân tộc Việt Nam

+ Lật đổ ách cai trị của thực dân Pháp trong hơn 80 năm, của quân phiệt Nhật Bản gần 5 năm; chấm dứt thời kì quân chủ hơn 1000 năm; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

+ Mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc - kỉ nguyên độc lập, tự do; giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.

+ Đảng Cộng sản Đông Dương từ một đảng hoạt động bí mật trở thành đảng cầm quyền, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước.

+ Chứng tỏ năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản, sự sáng tạo và tinh thần yêu nước của nhân dân; chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo của cách mạng Việt Nam.

- Đối với thế giới:

+ Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai.

+ Cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới.

*** Bài học kinh nghiệm:**

- Bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

- Bài học về xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

- Bài học về nắm bắt thời cơ.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (Học sinh chọn một đáp án đúng)

Câu 1: Sự kiện nào tạo nên cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc ở Đông Dương vào đầu năm 1945?

A. phát xít Đức đầu hàng Đồng minh.

B. chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang.

C. quân Pháp ráo riết hoạt động, âm mưu phản công Nhật.

D. Nhật đảo chính Pháp.

Câu 2. Khi Nhật đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện (ngày 15/8/1945), tình hình Đông Dương như thế nào?

A. Quân đội Nhật ở Đông Dương rệu rã chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang.

B. Quân Pháp ráo riết hoạt động, âm mưu phản công Nhật.

C. Nhật đảo chính Pháp.

D. Quân Nhật và Pháp bắt tay với nhau.

Câu 3. Quốc gia nào sau đây đã ném hai quả bom nguyên tử xuống hai thành phố Hiroshima và Nagasaki của Nhật Bản trong hai ngày 6 và 9/8/1945?

A. Anh.

B. Mỹ.

C. Liên Xô.

D. Pháp.

Câu 4. Quân phiệt Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện vào thời gian nào?

A. 13/8/1945

B. 14/8/1945

C. 15/8/1945

D. 16/8/1945

Câu 5. Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp từ ngày 13 đến 15/8/1945 ở

A. Pác Bó (Cao Bằng).

B. Tân Trào (Tuyên Quang).

C. Bắc Sơn (Vũ Nhai).

D. Phai Khắt (Cao Bằng).

Câu 6. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp từ ngày 13 đến 15/8/1945 đã quyết định:

A. khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

B. tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

C. khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

D. thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa và quyết định chính sách đối nội đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

Câu 7. Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào từ ngày 16 đến ngày 17/8/1945 đã quyết định:

- A. khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.
- B. tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.
- C. khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.
- D. tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra ủy ban giải phóng dân tộc do Hồ Chí Minh làm chủ tịch.

Câu 8. Chiều ngày 16/8/1945, theo lệnh của Ủy ban Khởi nghĩa, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy xuất phát từ Tân Trào về giải phóng

- A. thị xã Cao Bằng.
- B. thị xã Thái Nguyên.
- C. thị xã Tuyên Quang.
- D. thị xã Lào Cai.

Câu 9. Những địa phương nào dưới đây giành được chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Nam, Nam Định.
- B. Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Nam, Hà Tĩnh.
- C. Bắc Thái, Hải Dương, Quảng Ngãi, Hà Tĩnh.
- D. Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Nam, Hà Tĩnh.

Câu 10. Ngày 30/8/1945, chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ khi

- A. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.
- B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn.
- C. Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi ở Hà Nội.
- D. Cách mạng thành công trong cả nước.

Câu 11. Hồ Chí Minh đọc Tuyên Ngôn Độc lập vào thời gian và địa điểm nào?

- A. 2/9/1945 tại Nhà hát Lớn.
- B. 2/9/1945 tại khu giải phóng Việt Bắc.
- C. 2/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình.
- D. 2/9/1945 tại Dinh Độc Lập.

Câu 12. Để chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám, nhân dân Việt Nam **không** thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Xây dựng căn cứ địa.
- B. Xây dựng chính phủ.
- C. Xây dựng lực lượng chính trị.
- D. Xây dựng lực lượng vũ trang.

Câu 13. Khi Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và ra chỉ thị

- A. “Tổng khởi nghĩa giành chính quyền”.
- B. “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.
- C. “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói”.
- D. “Đả đảo đế quốc, đả đảo phong kiến”.

Câu 14. Mục đích của Đảng khi phát động “cao trào kháng Nhật cứu nước” là

- A. chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang.
- B. hỗ trợ các đội tự vệ chiến đấu chống Nhật.
- C. làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa.

D. tạo điều kiện cho quân Đồng minh chống Nhật.

Câu 15. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện là thời cơ thuận lợi để nhân dân Việt Nam

- A. phát động cao trào kháng Nhật cứu nước.
- B. tiến hành phá kho thóc Nhật, giải quyết nạn đói.
- C. đánh bại phát xít Nhật.
- D. tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Câu 16. Thời cơ tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân Việt Nam xuất hiện khi

- A. Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản.
- B. Liên Xô tiến công quân Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.
- C. Đức đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- D. Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Câu 17. Tháng 8/1945, điều kiện khách quan thuận lợi cho nhân dân ta vùng lên giành lại độc lập là

- A. sự thất bại của phe phát xít trên chiến trường châu Âu.
- B. phát xít Italia và phát xít Đức đầu hàng quân Đồng minh.
- C. phát xít Nhật đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện.
- D. sự thắng lợi của phe Đồng minh ở châu Âu.

Câu 18. Thời cơ “ngàn năm có một” trong Cách mạng tháng Tám tồn tại trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ khi Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật đến khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
- B. Từ khi Chiến tranh thế giới hai kết thúc ở châu Âu đến khi Chiến tranh thế giới hai kết thúc ở châu Á.
- C. Sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến lúc Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam lần hai.
- D. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật.

Câu 19. Thời cơ tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Việt Nam được Trung ương Đảng xác định trong khoảng thời gian

- A. từ khi Nhật tuyên bố đầu hàng đến khi quân Đồng minh hoàn thành nhiệm vụ quân quản.
- B. từ khi Nhật kí văn kiện đầu hàng phe Đồng minh đến khi quân Đồng minh vào Việt Nam.
- C. từ khi Nhật tuyên bố đầu hàng phe Đồng minh đến trước khi quân đội Đồng minh vào Việt Nam.
- D. từ khi Nhật kí văn kiện đầu hàng phe Đồng minh đến khi quân Nhật rút về nước.

Câu 20. Vì sao nhân dân ta phải tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương?

- A. Vì đó là lúc lực lượng quân Pháp suy yếu nhất.
- B. Vì đó là lúc những kẻ thù mới suy yếu nhất, không còn khả năng kháng cự.

C. Vì đó là lúc ta đã chuẩn bị đầy đủ và sẵn sàng tiến hành Tổng khởi nghĩa.

D. Vì đó là lúc so sánh lực lượng có lợi nhất cho cách mạng, kẻ thù cũ đã gục ngã, kẻ thù mới chưa kịp đến, quân Đồng minh có thể dựng lên một chính quyền trái với ý chí và nguyện vọng của nhân dân ta.

Câu 21. Đại hội Quốc dân được tiến hành ở Tân Trào (Ngày 16-17/8/1945) gồm những đại biểu thuộc các thành phần và các miền nào?

A. Ba xứ thuộc đủ các giới, các đoàn thể, các dân tộc tiêu biểu ý chí và nguyện vọng của toàn dân.

B. Toàn thể các tầng lớp nhân dân.

C. Giai cấp tiểu tư sản, học sinh, sinh viên, trí thức cả nước.

D. Các đảng phái đoàn thể tổ chức mặt trận trong cả nước.

Câu 22. Các đại biểu đều nhất trí tán thành quyết định Tổng khởi nghĩa, thông qua 10 sắc lệnh của Việt Minh, lập ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam (tức Chính phủ lâm thời) do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, đó là quyết định của:

A. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (13 - 15/8/1945).

B. Đại hội Quốc dân ở Tân Trào (16 - 17/8/1945).

C. Đại hội Đảng lần thứ I ở Ma Cao (Trung Quốc) năm 1935.

D. Hội nghị Quân sự Bắc Kỳ (4/1945).

Câu 23. “Quân lệnh số 1”, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước, được ban bố bởi

A. Mặt trận Việt Minh.

B. Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

C. Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

D. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.

Câu 24. Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào từ ngày 16 - 17/8/1945 có ý nghĩa gì?

A. Khẳng định tinh thần thống nhất, quyết tâm giành cho được độc lập dân tộc của toàn Đảng ta.

B. Khẳng định tinh thần nhất trí, quyết tâm cao độ của toàn thể nhân dân cả nước ủng hộ Mặt trận Việt Minh tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

C. Khẳng định đây là thời cơ ngàn năm có một để dân tộc ta giành lại độc lập.

D. Khẳng định sự ra đời của một chính quyền cách mạng: Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Câu 25. Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở ba thành phố lớn là Hà Nội, Huế, Sài Gòn có ý nghĩa:

A. quyết định đến việc giành chính quyền trong cả nước.

B. đánh dấu cuộc Tổng khởi nghĩa thắng lợi trong cả nước.

C. đánh dấu thắng lợi hoàn toàn của Tổng khởi nghĩa.

D. thể hiện quyết tâm giành thắng lợi của Đảng và Tổng bộ Việt Minh.

Câu 26. Điền từ còn thiếu trong câu cuối của Tuyên ngôn độc lập: "Toàn thể... Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững ... ấy".

- A. nhân dân..... nền độc lập.
- B. dân tộc..... nền độc lập.
- C. quốc dân.... quyền tự do và độc lập.
- D. dân tộc..... quyền tự do và độc lập.

Câu 27. Bài học kinh nghiệm quan trọng nhất trong chỉ đạo khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945 của Đảng là

- A. Xây dựng khối liên minh công nông và mặt trận dân tộc thống nhất
- B. Tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp
- C. Phải có chủ trương và biện pháp phù hợp với tình hình thực tiễn cách mạng trong cả nước.
- D. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa từng phần, kịp thời chớp thời cơ khởi nghĩa.

Câu 28. Bài học kinh nghiệm quan trọng từ sự chỉ đạo của Đảng góp phần thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì?

- A. Phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.
- B. Tập hợp, tổ chức các lực lượng yêu nước rộng rãi.
- C. Nắm bắt tình hình thế giới đề ra chủ trương phù hợp.
- D. Kết hợp đấu tranh chính trị với vũ trang, chớp thời cơ giành chính quyền.

Câu 29. Một trong những bài học kinh nghiệm rút ra từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 có thể vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam hiện nay là

- A. Tăng cường liên minh chiến đấu giữa ba nước Đông Dương.
- B. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ngoại giao.
- C. Kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.
- D. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu.

Câu 30. Từ thực tiễn của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ 1930 - 1945 có thể rút ra bài học kinh nghiệm nào dưới đây?

- A. Kết hợp giữa đấu tranh chính trị với vũ trang.
- B. Đấu tranh ngoại giao có vai trò quyết định nhất.
- C. Xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân lớn mạnh.
- D. Giữ vững sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Hỡi đồng bào yêu quý!

Bốn năm trước đây, tôi có thư kêu gọi đồng bào ta đoàn kết. Vì có đoàn kết mới có lực lượng, có lực lượng mới giành được độc lập, tự do.

Hiện nay quân đội Nhật đã tan rã, phong trào cứu quốc lan tràn khắp nước. Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) có hàng chục triệu đội viên, gồm đủ các tầng lớp sĩ, nông,

công, thương, gồm đủ các dân tộc Việt, Thổ, Nùng, Mường, Mán. Trong Việt Minh đồng bào ta bắt tay nhau chặt chẽ, không phân biệt trai, gái, già, trẻ, lương, giáo, giàu, nghèo...

Hỡi đồng bào yêu quý!

Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ra mà tự giải phóng cho ta”.

(Hồ Chí Minh (1995), *Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 3*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 553-554)

A. Mặt trận Việt Minh tập hợp các tầng lớp nhân dân cùng chung mục tiêu giải phóng dân tộc.

B. Kẻ thù chính của dân tộc ta trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là Nhật – Pháp.

C. Nội dung của đoạn trích nhằm đưa ra lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc khởi nghĩa từng phần năm 1945.

D. Cách mạng nước ta muốn thắng lợi cần phải có sự giúp sức của các lực lượng bên ngoài.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“a. Giai cấp thống trị rơi vào tình thế hỗn loạn lớn và không còn đủ khả năng cai trị theo các phương pháp cũ.

b. Quần chúng bị áp bức không thể chịu được chế độ hiện hành được nữa.

c. Đảng Cộng sản đã làm tắt cả sự chuẩn bị cần thiết.

d. Giai cấp vô sản đã sẵn sàng xả thân tranh đấu.

đ. Số đông những người thuộc giai cấp trung gian thoát khỏi ảnh hưởng của bọn cải lương chuyển sang phía những người cách mạng hoặc chỉ ít thì giữ thái độ trung lập và tỏ ra có thiện cảm với người của cách mạng”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 6*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.676-677)

a. Đoạn trích có nội dung về thời cơ xuất hiện trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

b. Các tầng lớp trung gian ngả hẳn về phía cách mạng là một trong những biểu hiện của thời cơ chín muồi trong cách mạng tháng Tám.

c. Thời cơ trong cách mạng tháng Tám kết thúc khi quân Đồng minh vào nước ta giải giáp phát xít Nhật.

d. Sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân tố cơ bản dẫn tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu

Ngày 13-8, được tin Nhật đầu hàng Đồng minh, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thành lập ngay Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.

23 giờ cùng ngày, Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng công bố mệnh lệnh khởi nghĩa. Ủy ban khởi nghĩa ra quân lệnh số 1: “Giờ tổng khởi nghĩa đã đánh! Cơ hội có một cho quân dân Việt Nam cùng giành lấy quyền độc lập của nước nhà... Chúng ta phải hành động cho

nhANH, với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng!... Cuộc thắng lợi hoàn toàn nhất định sẽ về ta!”.

(Trương Hữu Quýnh, *Lịch sử Việt Nam đại cương toàn tập*, NXB Giáo dục, năm 2003, Tr 826)

- a. Nhật Bản đầu hàng Đồng minh là điều kiện khách quan thuận lợi để nhân dân Việt Nam đứng lên giành chính quyền.
- b. Nghe tin Nhật Bản đầu hàng Đồng minh, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã cử ra ủy ban dân tộc giải phóng, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trên cả nước.
- c. Thời cơ “ngàn năm có một” để nhân dân Việt Nam tổng khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 kết thúc khi quân Đồng minh đánh bại quân phiệt Nhật Bản.
- d. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 bắt đầu từ ngày 14/8/1945 vì Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt minh đã ban bố quân lệnh số 1, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trên cả nước vào 23 giờ ngày 13/8/1945.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu

Với thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 “chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”

(Theo *Báo cáo chính trị* tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, trích trong Hồ Chí Minh toàn tập, tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011)

- a. Với thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 đã mở ra kỉ nguyên độc lập tự do, nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước.
- b. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 đưa Đảng cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền.
- c. Lần đầu tiên trong lịch sử, Việt Nam từ một nước nửa thuộc địa nửa phong kiến trở thành một quốc gia độc lập.
- d. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 góp phần trực tiếp vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai.

BÀI 7: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)

A. LÝ THUYẾT

1. Bối cảnh lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

- Bối cảnh thế giới:

- + Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt, hệ thống xã hội chủ nghĩa ra đời.
- + Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.

+ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và Chiến tranh lạnh tác động mạnh đến tình hình Việt Nam.

- Bối cảnh trong nước:

+ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời thực sự đã trở thành nước tự do và độc lập.

+ Chính quyền cách mạng non trẻ bị các nước đế quốc liên kết với các thế lực thù địch trong và ngoài nước chống phá, xâm lược.

2. Diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

a. Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở Nam Bộ (1945 – 1946)

- Bối cảnh lịch sử:

+ Ngày 2-9-1945, khi nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng ngày Độc lập, quân Pháp đã xả súng vào người dân.

+ Đêm 22 rạng sáng ngày 23-9-1945, quân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

- Diễn biến chính:

+ Quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn cùng quân dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược bằng nhiều hình thức.

+ Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chính phủ, hàng vạn thanh niên gia nhập quân đội, xung phong vào đội quân “Nam tiến”, cùng nhân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ kháng chiến.

- Ý nghĩa:

+ Cuộc chiến đấu ở Nam Bộ đã giáng đòn đầu tiên vào âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp.

+ Tạo điều kiện để nhân dân Nam Bộ và cả nước chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

b. Những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1950)

*** Hoàn cảnh:**

- Sau khi thực dân Pháp và Chính phủ Trung Hoa Dân quốc kí Hiệp ước Hoa - Pháp (28- 02- 1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6- 3- 1946) và bản Tạm ước (14/09/1946).

- Pháp bội ước, khiêu khích tiến công quân sự ở Hải Phòng, Lạng Sơn, Đà Nẵng, Hà Nội,...

- Ngày 18- 12- 1946, thực dân Pháp gửi tối hậu thư.

- Trước tình hình đó, ngày 19- 12- 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

- Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, quân dân Việt Nam đã từng bước giành được những thắng lợi.

*** Những thắng lợi tiêu biểu**

Thắng lợi tiêu biểu	Diễn biến	Kết quả	Ý nghĩa
---------------------	-----------	---------	---------

Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16	- Từ ngày 19-12-1946 đến ngày 17-2-1947 trận chiến diễn ra ở các đô thị như: Nam Định, Vinh,... Đặc biệt, ở Hà Nội, các trận đánh ác liệt đã diễn ra tại khu vực Bắc Bộ Phủ, Bưu điện Bờ Hồ...	- Giam chân Pháp ở Hà Nội và các thành phố, thị xã. - Lực lượng quân chủ lực của ta rút lui an toàn ra căn cứ kháng chiến.	- Làm thất bại một bước kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp. - Tạo điều kiện dân ta bước vào kháng chiến lâu dài.
Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947	- Diễn ra từ tháng 10 đến tháng 12-1947 khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc. Quân đội Việt Nam chủ động phản công đẩy lùi quân Pháp khỏi một số vị trí quan trọng: Chợ Đồn, Chợ Rã, Đoan Hùng...	- Pháp phải rút chạy khỏi Việt Bắc. - Cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến được bảo vệ an toàn. - Bộ đội ta thu được nhiều vũ khí và ngày càng trưởng thành.	- Đây là chiến dịch phản công lớn đầu tiên, đã làm thất bại hoàn toàn chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp buộc Pháp chuyển sang đánh lâu dài với ta.
Chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950	- Diễn ra từ tháng 9 đến tháng 10-1950 ở khu vực biên giới Việt-Trung. Quân đội Việt Nam tấn công cứ điểm Đông Khê, mai phục, chặn đánh quân Pháp ở nhiều nơi trên Đường số 4, buộc chúng phải rút chạy.	- Quân ta đã giải phóng được khu vực biên giới rộng lớn, mở đường liên lạc quốc tế, bảo vệ được căn cứ địa Việt Bắc - Chọc thủng Hành lang Đông-Tây, làm phá sản Kế hoạch Rơ-ve của Pháp.	- Đây là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam. - Từ đây, quân đội Việt Nam đã giành được thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ), mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

c. Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1951 – 1953)

*** Hoàn cảnh lịch sử**

- Từ cuối năm 1950, được sự ủng hộ và viện trợ của Mỹ, Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi, tập trung lực lượng xây dựng tuyến công sự phòng thủ bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ, tiến hành chiến tranh tổng lực bình định vùng tạm chiếm.

=> Trong bối cảnh mới, quân dân cả nước tiếp tục đẩy mạnh kháng chiến, giành được thắng lợi trên nhiều lĩnh vực.

*** Những thắng lợi tiêu biểu**

- Chính trị:

+ Tháng 2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Chiêm Hoá (Tuyên Quang), quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam.

+ Tháng 3-1951, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt; Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào được thành lập.

- Quân sự:

+ Quân đội nhân dân Việt Nam chủ động mở nhiều chiến dịch tiến công và phản công để giữ vững quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ: các chiến dịch ở trung du đồng bằng Bắc Bộ (1950-1951); chiến dịch Hoà Bình (1951 - 1952); chiến dịch Tây Bắc (1952); chiến dịch Thượng Lào (1953),...

- Kinh tế:

+ Thủ công nghiệp và công nghiệp cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và một phần nhu cầu vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng cho bộ đội.

+ Nông nghiệp có bước phát triển mới

- Văn hoá:

+ Tiếp tục triển khai thực hiện cuộc Cải cách giáo dục lần thứ nhất (tiến hành từ năm 1950) theo phương châm: phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh, phục vụ sản xuất.

+ Phong trào văn hoá, văn nghệ quần chúng phát triển rộng khắp.

d. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1953 – 1954)

*** Hoàn cảnh lịch sử**

- Tháng 7-1953 được sự viện trợ của Mỹ, Pháp đề ra kế hoạch Na-va, với hi vọng trong 18 tháng giành thắng lợi quân sự quyết định để “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

- Tháng 9-1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp đề ra phương hướng chiến lược cho đông - xuân 1953 - 1954.

*** Diễn biến**

- Trong Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953- 1954, bộ đội chủ lực mở một loạt chiến dịch tấn công quân Pháp ở Lai Châu, Trung Lào, Thượng Lào, Bắc Tây Nguyên,... đồng thời đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng quân Pháp, làm phá sản bước đầu kế hoạch Na-va.

- Tháng 11-1953, Na-va quyết định điều quân lên chiếm giữ Điện Biên Phủ xây dựng nơi đây thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương.

- Đầu tháng 12-1953, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

- Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra qua 3 đợt: từ ngày 13/03/1954 đến 07/05/1954, chiều ngày 07/05/1954 tướng Đờ Ca-xtơ-ri cùng toàn bộ Tham mưu quân Pháp đầu hàng đánh dấu chiến dịch kết thúc toàn thắng.

*** Ý nghĩa**

- + Đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.
- + Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo cơ sở cho việc đàm phán và ký Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương năm 1954.

3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

a. Nguyên nhân thắng lợi

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, được vận dụng linh hoạt, sáng tạo.
- Truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết và ý chí kiên cường trong đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam.
- Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước và mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố, mở rộng; lực lượng vũ trang không ngừng lớn mạnh; hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

*** Nguyên nhân khách quan**

- Sự đoàn kết chiến đấu của liên minh nhân dân ba nước Đông Dương.
- Sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc và Liên Xô.
- Sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân Pháp và nhân dân tiến bộ, yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

b. Ý nghĩa lịch sử:

*** Đối với Việt Nam**

- Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ ở Việt Nam.
- Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

*** Đối với thế giới**

- Giáng đòn nặng nề vào tham vọng nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai;
- Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ;
- Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

B. BÀI TẬP THỰC HÀNH

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Học sinh chọn một đáp án đúng

Câu 1. Một trong những nội dung của tình hình thế giới khi cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) của nhân dân Việt Nam nổ ra là

- A. hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành.
- B. cách mạng Cuba đã giành được thắng lợi.
- C. xu thế hòa hoãn Đông - Tây đã xuất hiện.
- D. chiến lược toàn cầu của Mỹ đang thất bại.

Câu 2. Một trong những nội dung của tình hình Việt Nam khi cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) nổ ra là

- A. nhân dân đã giành quyền làm chủ đất nước.
- B. nạn đói chưa được đẩy lùi gây khó khăn lớn.
- C. phải đối phó với cả THDQ, Anh, Mỹ, Pháp.
- D. Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Câu 3. Một trong những khó khăn thử thách mà cách mạng Việt Nam phải đương đầu sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) là

- A. các nước đế quốc bao vây, cấm vận kinh tế.
- B. những hậu quả nặng nề của chiến tranh để lại
- C. quân đội các nước Đồng minh lũ lượt kéo vào.
- D. quân Trung Hoa dân quốc hỗ trợ cho Pháp đánh Nam Bộ,

Câu 4. Để mở đầu cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai, Pháp đã tấn công

- A. trụ sở Ủy ban hành chính Nam Bộ.
- B. cơ quan Trung ương cục miền Nam
- C. căn cứ Củ Chi và địa đạo Vịnh Mốc.
- D. cửa biển Thuận An và kinh đô Huế

Câu 5. Khi Pháp xâm lược Nam Bộ, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã có hành động nào sau đây?

- A. Đã tiến hành đàm phán khẩn cấp với Pháp.
- B. Tố cáo hành vi của Pháp đến Liên hợp quốc.
- C. Đưa toàn bộ quân đội vào Nam chiến đấu.
- D. Huy động cả nước đề chi viện cho Nam Bộ.

Câu 6. Một trong những nội dung của đường lối kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)

- A. đoàn kết kháng chiến.
- B. vườn không nhà trống.
- C. toàn dân kháng chiến.
- D. đánh nhanh thắng nhanh.

Câu 7. Đây là một trong những thắng lợi mà nhân dân Việt Nam đã giành được trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

- A. Chiến thắng An Lão.
- B. Chiến thắng Việt Bắc.
- C. Chiến thắng Cửa Việt.
- D. Chiến thắng Vạn Tường.

Câu 8. Hoàn cảnh ra đời của kế hoạch quân sự Nava (1953) là

- A. Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn.
- B. cuộc chiến tranh Triều Tiên bùng nổ.
- C. quân Pháp thiệt hại hết sức nặng nề.
- D. Mỹ ép Pháp kết thúc nhanh chiến tranh.

Câu 9. Trong giai đoạn một của kế hoạch Nava, Pháp tiến hành phòng ngự ở

- A. Bắc Bộ. B. Nam Bộ. C. Đà Nẵng. D. Trung Bộ.

Câu 10. Một trong những nội dung của phương hướng tiến công chiến lược trong Đông Xuân 1953-1954 buộc Pháp phải

- A. tập trung lực lượng. B. phân tán lực lượng.
C. chiếm đất giành dân. D. đánh nhanh rút gọn.

Câu 11. Tháng 11-1953, khi phát hiện bộ đội Việt Nam tiến lên Tây Bắc, Nava đã điều quân chiếm giữ

- A. Bắc Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ.
C. Điện Biên Phủ. D. Tây Trường Sơn.

Câu 12. Một trong những mục tiêu của Việt Nam khi mở chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) là

- A. tiêu diệt sinh lực địch. B. kết thúc chiến tranh.
C. mở rộng căn cứ địa. D. liên lạc với bên ngoài.

Câu 13. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 - 1951) đã quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là

- A. Đảng Cộng sản Đông Dương B. Đảng Lao động Việt Nam
C. Đảng Lao động Đông Dương D. Đảng Cộng sản Việt Nam

Câu 14. Một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) là

- A. sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. B. viện trợ to lớn của Trung Quốc
C. ba nước Đông Dương đoàn kết. D. phong trào phản đối chiến tranh.

Câu 15. Một trong những nguyên nhân bùng nổ của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (12-1946) là do

- A. Pháp bội ước, buộc Việt Nam đầu hàng B. nhân dân Việt Nam quyết tâm chiến đấu.
C. Việt Nam có được giúp đỡ của Liên Xô. D. Pháp không chấp nhận ký hiệp định mới.

Câu 16. Một trong những cơ sở để Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra đường lối kháng chiến toàn dân là do

- A. Pháp đã suy yếu, tổn thất. B. truyền thống của dân tộc.
C. Mỹ đã hỗ trợ cho Pháp. D. tình hình thế giới yêu cầu.

Câu 17. Thắng lợi nào của quân và dân Việt Nam đã đánh bại chiến thuật đánh nhanh thắng nhanh của Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài?

- A. Bắc vĩ tuyến 16 (1947). B. Biên Giới (1950).
C. Việt Bắc (1947). D. Điện Biên Phủ (1954)

Câu 18. Quân dân Việt Nam đã giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ sau thắng lợi của chiến dịch nào sau đây?

- A. Bắc vĩ tuyến 16 (1947). B. Biên Giới (1950).
C. Việt Bắc (1947). D. Điện Biên Phủ (1954)

Câu 19. Pháp đề ra kế hoạch Nava (1953) với mục đích chính là

- A. kết thúc chiến tranh trong danh dự.
- B. đưa được tù binh Pháp trở về nước.
- C. tiêu diệt hoàn toàn bộ đội Việt Nam.
- D. thành lập Liên bang Đông Dương.

Câu 20. Một trong những mục đích của Pháp khi đưa quân tấn công lên Việt Bắc (1947) là

- A. kết thúc chiến tranh trong danh dự
- B. đưa được tù binh Pháp trở về nước.
- C. tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến.
- D. thành lập Liên bang Đông Dương

Câu 21. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có hạn chế nào sau đây?

- A. Chỉ có thể tiếp tế bằng đường không.
- B. Quá đông quân trên một địa bàn nhỏ.
- C. Các cứ điểm không bố trí vững chắc.
- D. Hỏa lực chi viện của Pháp rất yếu.

Câu 23. Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954 là

- A. kháng chiến và kiến quốc.
- B. kháng chiến và lao động.
- C. chiến đấu và sản xuất.
- D. kháng chiến và cải cách.

Câu 24. Âm mưu chính của Pháp - Mỹ khi xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là nhằm

- A. thu hút và tiêu diệt bộ đội chủ lực Việt Nam.
- B. bảo vệ vùng Tây Bắc, khóa chặt biên giới.
- C. giành lại thế chủ động trên chiến trường.
- D. ngăn chặn sự liên lạc giữa Việt Nam và Lào.

Câu 25. Một trong những điểm chung của kế hoạch Rơ ve (1949), kế hoạch Đờ Lát Đơ Tatxinhi (1950) và kế hoạch Nava (1953) là

- A. khóa chặt biên giới Việt - Trung.
- B. kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược.
- C. thành lập chính phủ tay sai bù nhìn.
- D. giành thế chủ động trên chiến trường.

Câu 26. Một trong những điểm tương đồng về mục tiêu mở các chiến dịch trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954) của quân và dân Việt Nam là

- A. củng cố căn cứ địa Việt Bắc.
- B. tiêu diệt bộ phận sinh lực địch.
- C. giải phóng Tây Bắc, Trung Lào.
- D. để đánh bại kế hoạch bình định.

Câu 27. Một trong những điểm mới trong Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2-1951) là

- A. đã nghe và thông qua Báo cáo chính trị.
- B. xác định nhiệm cách mạng từng miền.
- C. đã đưa Đảng ra hoạt động công khai.
- D. tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của Đảng.

Câu 28. Đây là bài học kinh nghiệm trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) được tiếp tục vận dụng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)

- A. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- B. Kiên trì nguyên tắc “Dĩ bất biến ứng vạn biến”,
- C. Thực hiện cùng lúc nhiều nhiệm vụ chiến lược.
- D. Tham gia khối liên minh quân sự của Liên Xô.

Câu 29. Bài học kinh nghiệm nào sau đây được rút ra từ cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) vẫn còn nguyên giá trị đến ngày nay?

- A. Phát huy tinh thần yêu nước của nhân dân. B. Xây dựng nhiều tập đoàn quân chiến đấu.
C. Thực hiện cùng lúc bốn nhiệm vụ chiến lược.
D. Tham gia khởi liên minh quân sự của Liên Xô.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“...Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa...Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ...Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh Pháp để cứu Tổ Quốc...”

(Trích Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến trong Hồ Chí Minh: Toàn tập, Tập 4, NXB chính trị quốc gia, 2011, tr.534)

- a. cuộc kháng chiến của dân tộc ta là cuộc kháng chiến toàn dân.
b. Tinh thần quyết tâm chiến đấu bảo vệ độc lập tự do của nhân dân ta.
c. Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng là đúng đắn.
d. Tội ác của thực dân Pháp.

Câu 2. Cho bảng dữ liệu về một số thắng lợi tiêu biểu trong những năm 1946-1950

Những thắng lợi tiêu biểu	Nội dung chính
Cuộc chiến đấu ở các đô thị Bắc VT 16	Diễn ra từ ngày 19 – 12 – 1946 đến 17 – 2 – 1947 ở các đô thị như: Nam Định, Vinh,... Đặc biệt, ở Hà Nội, các trận đánh ác liệt đã diễn ra tại khu vực Bắc Bộ Phủ, Bưu điện Bờ Hồ, ga Hàng Cỏ, phố Khâm Thiên,..
Chiến dịch Việt Bắc 1947	Diễn ra từ tháng 10 đến tháng 12 – 1947 khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc. Quân đội Việt Nam chủ động bao vây, tiến công đẩy lùi quân Pháp khỏi một số vị trí quan trọng: Chợ Đồn, Chợ Rã, Đoan Hùng...
Chiến dịch Biên Giới 1950	Diễn ra từ tháng 9 đến tháng 10 – 1950 ở khu vực biên giới Việt – Trung. Quân đội Việt Nam tấn công cứ điểm Đông Khê, mai phục, chặn đánh quân Pháp ở nhiều nơi trên Đường số 4, buộc chúng phải rút chạy.

- a. Các chiến dịch của ta trong những năm 1946-1950 đều nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.
b. Cuộc chiến đấu ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16 làm kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp bị thất bại hoàn toàn.
c. Chiến dịch Việt Bắc 1947 là chiến dịch phản công lớn đầu tiên của quân ta.
d. Đông Khê là Trận đánh diễn ác liệt giữa ta và Pháp và có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của ta quân dân ta trong chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Trong bức thư gửi cán bộ, chiến sĩ trước ngày nổ súng (10/3/1954), Đại tướng kêu gọi toàn thể cán bộ, chiến sĩ, các đơn vị trên Mặt trận Điện Biên Phủ nhận rõ vinh dự được tham gia vào chiến dịch lịch sử này: "... mong các đồng chí giữ vững và nâng cao quyết tâm diệt địch, quán triệt phương châm "đánh chắc, tiến chắc" của Trung ương, giữ vững và nâng cao tinh thần chiến đấu liên tục, dẻo dai, chiến đấu thật dũng cảm, tiêu diệt thật nhiều địch" Những tài liệu chỉ đạo các chiến dịch của Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng Tư lệnh (Từ Việt Bắc đến Điện Biên Phủ), Tập VI, Bộ Tổng Tham mưu xuất bản, 1963, tr.128-129.

- Tư liệu trên nói về diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- Là tinh thần chỉ đạo cho quân dân Việt Nam trước khi bước vào chiến dịch Điện Biên Phủ.
- Phát động phong trào thi đua yêu nước trong toàn quân toàn dân.
- Quán triệt phương châm tác chiến của quân dân Việt Nam trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây

Cho bảng dữ kiện sau đây về chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

<i>Thời gian</i>	<i>Sự kiện</i>
Đợt 1: từ ngày 13 – 3 đến ngày 17 – 3 – 1954	Quân ta tiến công cụm cứ điểm Him Lam và đồi Độc Lập, bức hàng cứ điểm Bản Kéo.
Đợt 2: từ ngày 30 – 3 đến ngày 26 – 4 – 1954	Quân ta tiến công các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm; tiến công và kiểm soát sân bay Mường Thanh, hạn chế việc tiếp viện của quân Pháp.
Đợt 3: từ ngày 1 – 5 đến ngày 7 – 5 – 1954	Quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm và phân khu Nam. Đến 17 giờ 30 ngày 7 – 5, tướng Đờ Ca-xtơ-ri cùng toàn bộ Bộ Tham mưu của Pháp phải đầu hàng.

- Bảng dữ liệu trên đề cập đến cuộc phản công đầu tiên của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Bảng dữ liệu cho thấy quân và dân ta từng bước tiến công tiêu diệt làm chủ các cứ điểm của quân Pháp.
- Chiến dịch Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Na Va, tác động mạnh đến cuộc đấu tranh trên bàn ngoại giao của ta ở Hội nghị Giơ-ne-vơ
- Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, miền Bắc được giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo cơ sở để giải phóng hoàn toàn miền Nam.

HẾT